



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH CPTPP

Số 4 - Năm 2025



MỤC LỤC

1- Quy định về điều tra/áp dụng biện pháp tự vệ trong Hiệp định CPTPP.....	3
2- Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Chile.....	7
3- Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Malaysia.....	11
4- Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Úc.....	15
5- Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Canada	
6- Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Mexico.....	19
7- Phân tích một số vụ việc điều tra tự vệ điển hình của các nước thành viên CPTPP.....	27
8- Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra tự vệ bởi các nước thành viên CPTPP.....	33
9- Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với điều tra tự vệ tại CPTPP.....	38
10- Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước.....	42

Quy định về điều tra/áp dụng biện pháp tự vệ trong Hiệp định CPTPP

I. Khái quát chung về biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế

Biện pháp tự vệ là một trong ba trụ cột của hệ thống phòng vệ thương mại quốc tế, bên cạnh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp. Khác với hai biện pháp còn lại, tự vệ không nhằm xử lý hành vi cạnh tranh không công bằng, mà được áp dụng trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu gia tăng một cách đột biến, tuyệt đối hoặc tương đối, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước, ngay cả khi hoạt động nhập khẩu đó là hoàn toàn hợp pháp.

Trong khuôn khổ WTO, biện pháp tự vệ được điều chỉnh chủ yếu bởi Điều XIX GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp tự vệ (Agreement on Safeguards). Trên cơ sở đó, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), tiếp tục kế thừa và phát triển các quy định về tự vệ, đồng thời bổ sung những cơ chế đặc thù nhằm cân bằng giữa tự do hóa thương mại và quyền bảo vệ ngành sản xuất nội địa của các quốc gia thành viên.

II. Cơ sở pháp lý của biện pháp tự vệ trong Hiệp định CPTPP

Về mặt pháp lý, các quy định về biện pháp tự vệ trong CPTPP được xây dựng

trên nền tảng của pháp luật WTO, nhưng có sự điều chỉnh và cụ thể hóa phù hợp với mức độ cam kết cao hơn của hiệp định. CPTPP thừa nhận quyền của các nước thành viên trong việc áp dụng biện pháp tự vệ, với điều kiện các biện pháp này phải phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế và không làm suy giảm mục tiêu tự do hóa thương mại của hiệp định.

CPTPP điều chỉnh vấn đề tự vệ chủ yếu thông qua hai nhóm quy định: biện pháp tự vệ toàn cầu (global safeguards) áp dụng theo WTO và biện pháp tự vệ chuyển tiếp (bilateral/transitional safeguards) áp dụng riêng trong khuôn khổ CPTPP. Trong đó, tự vệ chuyển tiếp là điểm mới và có ý nghĩa đặc biệt, cho phép các thành viên áp dụng biện pháp tự vệ song phương đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước CPTPP trong giai đoạn chuyển tiếp cắt giảm thuế quan.



III. Nguyên tắc chung trong điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ theo CPTPP

CPTPP đặt ra một số nguyên tắc pháp lý cốt lõi chi phối toàn bộ quá trình điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ. Trước hết, việc áp dụng biện pháp tự vệ phải dựa trên kết quả điều tra minh bạch, khách quan và dựa trên bằng chứng thực chất. Cơ quan điều tra của nước nhập khẩu phải chứng minh rõ ràng mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, CPTPP yêu cầu biện pháp tự vệ chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết và trong thời gian giới hạn, nhằm tạo điều kiện cho ngành sản xuất trong nước có thời gian điều chỉnh, thay vì tạo ra sự bảo hộ kéo dài. Nguyên tắc không phân biệt đối xử cũng được nhấn mạnh, đặc biệt đối với biện pháp tự vệ toàn cầu, theo đó biện pháp phải được áp dụng đối với tất cả các nguồn nhập khẩu liên quan, trừ các trường hợp được loại trừ theo quy định.

IV. Quy định về điều tra áp dụng biện pháp tự vệ trong CPTPP

1. Khởi xướng điều tra tự vệ

Quy trình điều tra tự vệ trong CPTPP thường bắt đầu bằng việc khởi xướng điều tra trên cơ sở đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước hoặc theo quyết định chủ động của cơ quan có thẩm quyền. Đơn yêu cầu phải cung cấp bằng chứng sơ bộ về sự gia tăng nhập khẩu, tình trạng thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng, cũng như mối quan hệ nhân

quả giữa hai yếu tố này.

CPTPP nhấn mạnh rằng việc khởi xướng điều tra phải được công bố công khai, kèm theo thông tin về phạm vi sản phẩm, thời kỳ điều tra và lịch trình dự kiến. Điều này giúp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và chuẩn bị tham gia vụ việc của các bên liên quan.

2. Thu thập và phân tích thông tin

Sau khi khởi xướng, cơ quan điều tra tiến hành thu thập thông tin từ các bên liên quan, bao gồm nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và các hiệp hội ngành hàng. Thông tin thu thập thường liên quan đến khối lượng và giá trị nhập khẩu, tình hình sản xuất – kinh doanh trong nước, năng suất, việc làm, lợi nhuận và thị phần.

Trong quá trình điều tra, CPTPP yêu cầu cơ quan điều tra phải đánh giá toàn diện và khách quan tất cả các yếu tố liên quan, không được chỉ dựa trên một hoặc một số chỉ tiêu riêng lẻ để kết luận về thiệt hại nghiêm trọng.

3. Tham vấn và bảo đảm quyền của các bên liên quan

Một điểm quan trọng trong quy định của CPTPP là việc tăng cường tham vấn và bảo đảm quyền tham gia của các bên liên quan. Các bên có quyền tiếp cận hồ sơ công khai, trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và phản biện các lập luận của bên yêu cầu điều tra.

CPTPP cũng khuyến khích các nước thành viên tiến hành tham vấn song phương với các nước bị ảnh hưởng trước khi áp dụng biện pháp tự vệ, nhằm giảm thiểu tác

động tiêu cực và tìm kiếm giải pháp phù hợp hơn.

V. Quy định về áp dụng biện pháp tự vệ trong CPTPP

1. Hình thức và phạm vi áp dụng

Theo CPTPP, biện pháp tự vệ có thể được áp dụng dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm tăng thuế nhập khẩu, áp dụng hạn ngạch hoặc kết hợp cả hai. Tuy nhiên, biện pháp phải được thiết kế sao cho ít gây cản trở thương mại nhất nhưng vẫn đạt được mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Đối với biện pháp tự vệ chuyển tiếp, CPTPP cho phép áp dụng chỉ đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP liên quan, trong thời gian nhất định, gắn với lộ trình cắt giảm thuế quan của hiệp định.

2. Thời hạn áp dụng và gia hạn

CPTPP quy định rõ rằng biện pháp tự vệ chỉ được áp dụng trong thời gian giới hạn, đủ để ngành sản xuất trong nước thực hiện điều chỉnh. Việc gia hạn biện pháp tự vệ chỉ được phép trong những trường hợp đặc biệt, trên cơ sở kết quả điều tra lại và phải tuân thủ các nghĩa vụ thông báo, tham vấn theo quy định.

3. Nghĩa vụ bồi thường và điều chỉnh thương mại

Một điểm quan trọng trong CPTPP là quy định về nghĩa vụ bồi thường thương mại khi áp dụng biện pháp tự vệ. Nước áp dụng biện pháp có thể phải đàm phán bồi thường với các nước bị ảnh hưởng thông

qua việc nhượng bộ thuế quan hoặc các hình thức điều chỉnh khác. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, nước bị ảnh hưởng có quyền áp dụng biện pháp trả đũa tương ứng.

VI. Minh bạch, thông báo và giải quyết tranh chấp

CPTPP đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu minh bạch và công khai thông tin trong toàn bộ quá trình điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ. Các quyết định khởi xướng, kết luận điều tra và áp dụng biện pháp phải được công bố công khai, kèm theo giải trình đầy đủ về cơ sở pháp lý và thực tiễn.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến biện pháp tự vệ, các bên có thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của CPTPP, bên cạnh hoặc thay thế cho cơ chế WTO. Điều này góp phần tăng cường tính ràng buộc và hiệu quả thực thi các quy định về tự vệ trong hiệp định.

VII. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp Việt Nam

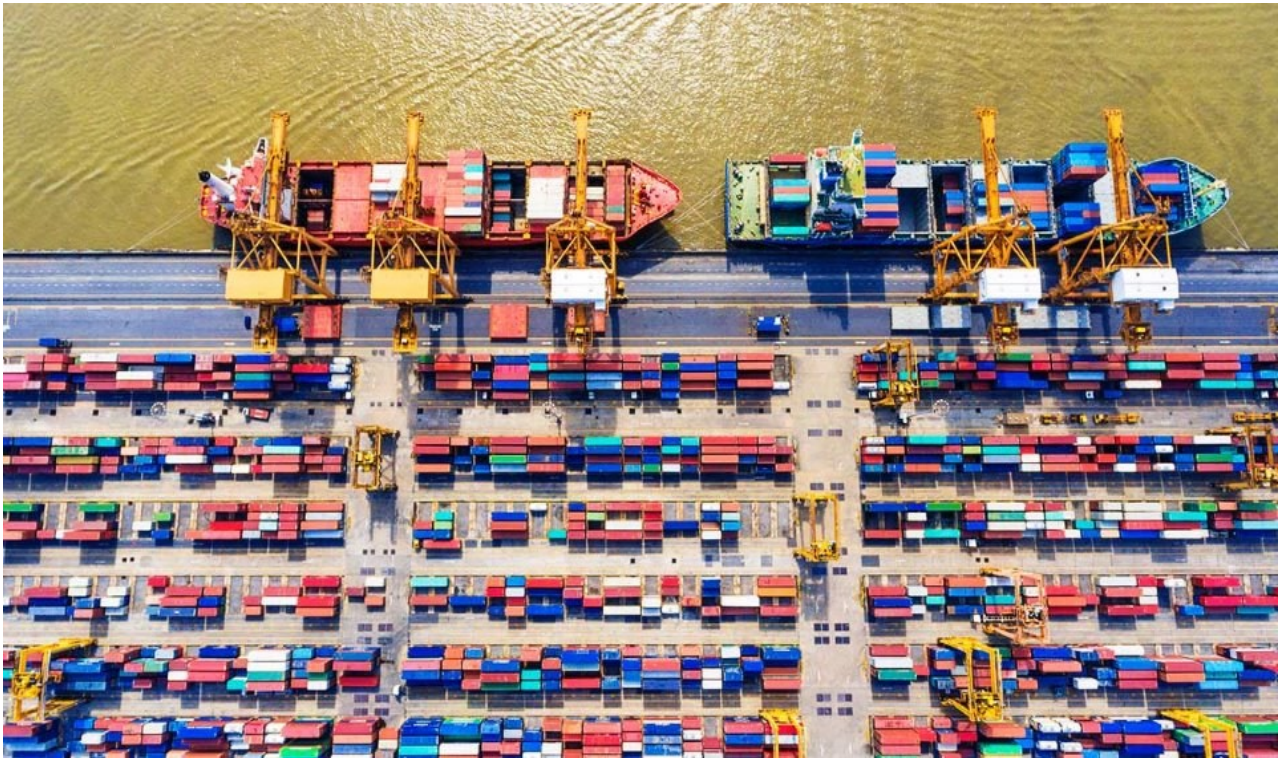
Các quy định về điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ trong CPTPP thể hiện sự cân bằng giữa quyền bảo vệ ngành sản xuất nội địa và nghĩa vụ tự do hóa thương mại. So với WTO, CPTPP đặt ra các yêu cầu cao hơn về minh bạch, tham vấn và giới hạn phạm vi áp dụng, qua đó hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp tự vệ.

Đối với Việt Nam, việc hiểu rõ và vận dụng hiệu quả các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong cả hai vai trò: nước nhập khẩu cần sử dụng biện pháp tự vệ một cách

thận trọng và phù hợp với cam kết quốc tế; nước xuất khẩu cần chủ động theo dõi, tham gia và bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp khi đối mặt với các vụ việc điều tra tự vệ tại thị trường CPTPP.

VIII. Kết luận

Biện pháp tự vệ trong Hiệp định CPTPP là một công cụ pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước những cú sốc nhập khẩu trong bối cảnh tự do hóa thương mại sâu rộng. Thông qua các quy định chặt chẽ về điều tra, áp dụng, thời hạn và minh bạch, CPTPP góp phần bảo đảm rằng biện pháp tự vệ được sử dụng đúng mục đích, hạn chế lạm dụng và duy trì sự ổn định của hệ thống thương mại khu vực. Việc nghiên cứu và nắm vững các quy định này là điều kiện cần thiết để các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam, khai thác hiệu quả lợi ích từ CPTPP đồng thời quản lý tốt các rủi ro phát sinh từ hội nhập kinh tế quốc tế.



Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Chile

I. Giới thiệu

Biện pháp tự vệ (safeguards) là một trong những công cụ quan trọng trong hệ thống phòng vệ thương mại quốc tế, cho phép một quốc gia tạm thời áp dụng các biện pháp thương mại như tăng thuế suất hay hạn ngạch đối với hàng hóa nhập khẩu khi chứng minh được rằng sự gia tăng đột biến trong nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các biện pháp tự vệ được điều chỉnh bởi Điều XIX GATT 1994 và Hiệp định về các biện pháp tự vệ (Agreement on Safeguards), đặt ra những điều kiện và giới hạn để các nước thành viên, trong đó có Chile, thực hiện các biện pháp này một cách hợp pháp và minh bạch.

Chile là một nền kinh tế mở, phụ thuộc mạnh vào thương mại quốc tế và là thành viên năng động của hệ thống đa phương. Mặc dù Chile ít khi sử dụng biện pháp tự vệ, khung pháp lý và quy trình điều tra của nước này là cần thiết để bảo đảm cân đối giữa tự do hóa thương mại, cam kết quốc tế và bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước cú sốc nhập khẩu nghiêm trọng.

II. Cơ sở pháp lý về biện pháp tự vệ tại Chile

1. Quá trình hình thành pháp luật tự vệ

Về mặt pháp lý, Chile đã phát triển khung pháp luật điều chỉnh các biện pháp tự vệ thông qua việc sửa đổi Luật số 18.525 về nhập khẩu hàng hóa (Law No. 18,525 on Import Price Distortions) và ban hành Luật số 19.612 nhằm thiết lập thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ phù hợp với Hiệp định WTO về Safeguards.

Luật số 19.612 (sửa đổi Luật 18.525) là văn bản chính thức quy định thủ tục điều tra, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, cũng như cơ quan chịu trách nhiệm xem xét và tiến hành điều tra tự vệ tại Chile. Văn bản này cho phép quốc gia xác định liệu sự gia tăng nhập khẩu của một sản phẩm có gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước hay không.

2. Cơ quan có thẩm quyền

Theo khung pháp luật hiện hành, Ủy ban Quốc gia phụ trách điều tra sự tồn tại của sai lệch về giá hàng hóa nhập khẩu (National Commission in Charge of Investigating the Existence of Distortions in the Price of Imported Goods) đóng vai trò chủ chốt trong việc thu thập, phân tích dữ liệu và đưa ra báo cáo điều tra sơ bộ. Ủy ban này gồm đại diện của các bộ ngành liên quan như Bộ Tài chính, Ngân hàng Trung ương, Hải quan và Bộ Ngoại giao.

Ban hành biện pháp tự vệ cuối cùng sau khi có báo cáo của Ủy ban là Quyền của

Tổng thống Chile, thông qua một Sắc lệnh cấp cao (Supreme Decree) do Bộ Tài chính ban hành và công bố chính thức.

3. Mối quan hệ với pháp luật WTO và các hiệp định thương mại



Khung pháp luật tự vệ của Chile tuân thủ các nghĩa vụ của WTO về Safeguards. Trong các điều ước thương mại song phương/đa phương, Chile cũng có thể có các quy định bổ sung về biện pháp tự vệ đối với hàng hóa từ nước ký kết, song về mặt pháp lý nội luật, tiêu chí điều tra vẫn dựa trên luật Safeguards. Khi có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa luật nội địa và cam kết quốc tế, cam kết quốc tế (quy định WTO) sẽ được ưu tiên.

III. Quy trình điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ

Quy trình điều tra tự vệ tại Chile bao gồm các bước chính sau đây, được thiết kế nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và tuân thủ cả luật nội địa lẫn nghĩa vụ quốc tế.

1. Khởi xướng điều tra

Quy trình điều tra tự vệ thường bắt đầu từ đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước, đại diện cho ngành chịu tác động tiêu

cực từ nhập khẩu tăng đột biến. Đơn yêu cầu phải được nộp bằng văn bản và kèm theo các bằng chứng sơ bộ về:

- Sự gia tăng đáng kể của khối lượng hay giá trị nhập khẩu;

- Thiệt hại nghiêm trọng hoặc mối đe dọa của thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước;

Mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng nhập khẩu và thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa.

Nếu không có đơn từ, cơ quan điều tra có thể khởi xướng **ex officio** (chủ động) khi có thông tin rõ ràng về các yếu tố trên.

2. Thông báo và minh bạch

Ngay sau khi quyết định khởi xướng điều tra được ban hành, Chile có nghĩa vụ công bố công khai thông tin vụ việc và thông báo cho mọi bên liên quan, trong đó có nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và đại diện của nước xuất khẩu. Thông báo này phải nêu rõ phạm vi sản phẩm, thời kỳ điều tra, thời hạn để nộp thông tin và quyền tham gia của các bên liên quan.

3. Thu thập và phân tích thông tin

Ủy ban điều tra sẽ tiến hành thu thập thông tin từ các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng liên quan trong nước và nước ngoài, cũng như dữ liệu thương mại từ các nguồn khác nhau. Bước này bao gồm:

- Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp số liệu về sản xuất, giá cả, thị phần, việc làm, lợi nhuận;

- Thu thập dữ liệu nhập khẩu qua hải quan;



Phân tích thống kê và kinh tế để xác định xu hướng nhập khẩu, mức độ thiệt hại và mối quan hệ nhân quả.

Cách tiếp cận này tương tự quy trình điều tra tự vệ trong các quốc gia khác và được thiết kế để đánh giá một cách toàn diện và khách quan các yếu tố liên quan.

4. Kết luận sơ bộ

Sau khi thu thập dữ liệu và phân tích ban đầu, Ủy ban có thể đưa ra kết luận sơ bộ về việc nhập khẩu có gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng hay không. Kết luận sơ bộ này phải được công bố kèm theo lý giải và dữ liệu tổng quát, đồng thời cho phép các bên liên quan bình luận hoặc phản biện trước khi kết luận cuối cùng được ban hành.

5. Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp

Nếu kết luận cuối cùng xác định các yếu tố cần thiết để áp dụng biện pháp tự vệ, Ủy ban sẽ khuyến nghị áp dụng biện pháp và gửi báo cáo lên Bộ Tài chính/Quốc hội để xem xét ban hành sắc lệnh áp dụng. Biện pháp thường được thực thi dưới dạng tăng thuế nhập khẩu tạm thời hoặc các hạn chế nhập khẩu khác trong một thời hạn nhất định theo quy định của WTO (thường tối đa

là 4 năm, trừ khi có gia hạn phù hợp).

Nếu kết luận là không đủ bằng chứng, vụ điều tra sẽ bị chấm dứt và không có biện pháp nào được áp dụng.

IV. Thực tiễn áp dụng biện pháp tự vệ tại Chile

1. Tàn suất và ngành áp dụng

Trên thực tế, Chile là một trong những quốc gia ít sử dụng biện pháp tự vệ so với nhiều nước khác. Các báo cáo WTO cho thấy kể cả khi luật pháp cho phép áp dụng biện pháp tự vệ, Chile hiếm khi ban hành các biện pháp này trong lịch sử thương mại hiện đại và tính đến năm 2023 không có biện pháp tự vệ đang có hiệu lực hoặc đang trong quá trình điều tra.

Một vụ tiêu biểu là việc điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ đối với thép dây (steel wire) vào năm 2015, khi Chile mở cuộc điều tra về mặt hàng này theo luật tự vệ và cân nhắc áp dụng các biện pháp tạm thời. Tuy nhiên, các thủ tục này được tiến hành rất thận trọng và có tham vấn theo quy định của WTO, bao gồm việc tổ chức tham vấn với các nước có lợi ích liên quan.

2. Đặc điểm và hạn chế

Trong thực tiễn Chile:

- Biện pháp tự vệ, nếu được áp dụng, thường là tạm thời (thuế bổ sung), trong khi biện pháp định lượng (hạn ngạch nhập khẩu) gần như không được sử dụng.

- Chile chủ yếu sử dụng biện pháp điều tra và điều chỉnh dựa trên phân tích kinh tế kỹ thuật, thay vì chỉ dựa vào yếu tố lượng nhập khẩu tăng. Quy trình điều tra chú



trọng vào các biến động sản xuất, việc làm và lợi nhuận của ngành sản xuất trong nước.

Do cơ chế thận trọng và mức độ minh bạch cao, Chile ít khi ban hành các biện pháp tự vệ mạnh mẽ hoặc kéo dài, do mục tiêu đồng thời duy trì mối quan hệ thương mại quốc tế tích cực.

3. Tranh chấp quốc tế liên quan

Chile cũng từng phải đối mặt với tranh chấp tại WTO khi bị Argentina kiện liên quan đến biện pháp tự vệ hồi đầu thập niên 2000. Ngành Argentina cáo buộc quyết định áp dụng các biện pháp tự vệ của Chile không tuân thủ các điều kiện về nhập khẩu tăng, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả theo Hiệp định Safeguards.

V. Đánh giá và hàm ý

Khung pháp lý và thực tiễn điều tra tự vệ của Chile được xây dựng dựa trên chuẩn mực quốc tế và yêu cầu minh bạch trong WTO, song với đặc thù là ít sử dụng thực tế. Chile thường chủ động chỉ áp dụng khi có bằng chứng rõ ràng và đánh giá toàn diện nhằm tránh tác động tiêu cực tới

thương mại quốc tế và tuân thủ các cam kết quốc tế như CPTPP và WTO.

Đối với doanh nghiệp và quốc gia như Việt Nam – với kim ngạch thương mại ngày càng tăng với Chile – việc hiểu rõ quy trình và thực tiễn này giúp doanh nghiệp chủ động phòng ngừa rủi ro pháp lý khi xuất khẩu hàng hoá sang Chile, đặc biệt đối với các ngành biến động nhập khẩu nhanh.

VI. Kết luận

Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ tại Chile cho thấy một khung pháp lý tuân thủ các chuẩn mực WTO kết hợp quy trình minh bạch, thận trọng và dựa trên phân tích kinh tế toàn diện. Dù Chile hiếm khi áp dụng biện pháp này, cơ chế điều tra vẫn sẵn sàng và tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế, tạo ra một cơ chế cân bằng giữa tự do hóa thương mại và bảo vệ sản xuất nội địa trong bối cảnh biến động thương mại toàn cầu.

Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Malaysia

I. Khái quát chung về biện pháp tự vệ và bối cảnh của Malaysia

Biện pháp tự vệ (safeguard measures) là công cụ phòng vệ thương mại cho phép một quốc gia thành viên WTO tạm thời hạn chế nhập khẩu một sản phẩm khi hàng hóa đó được nhập khẩu vào lãnh thổ nước mình gia tăng đột biến về số lượng, tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước, và gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa. Khác với biện pháp chống bán phá giá hay chống trợ cấp, tự vệ không đòi hỏi hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ phía nhà xuất khẩu mà chỉ tập trung vào tác động của sự gia tăng nhập khẩu.



Malaysia là một nền kinh tế mở, có độ phụ thuộc cao vào thương mại quốc tế và tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Đồng thời, Malaysia cũng là thành viên WTO, ASEAN, CPTPP, RCEP và nhiều hiệp định thương mại tự do song phương khác. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và áp dụng cơ chế điều tra tự vệ

đóng vai trò quan trọng nhằm bảo vệ hợp lý ngành sản xuất trong nước trước các cú sốc nhập khẩu, đồng thời vẫn bảo đảm tuân thủ các cam kết thương mại quốc tế.

II. Cơ sở pháp lý về điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ của Malaysia

1. Cơ sở pháp lý quốc tế

Về phương diện quốc tế, khung pháp lý về tự vệ của Malaysia được xây dựng phù hợp và dựa trên các văn kiện cốt lõi của WTO, bao gồm:

Điều XIX của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT 1994);

Hiệp định về các biện pháp tự vệ của WTO (Agreement on Safeguards).

Các quy định này đặt ra những nguyên tắc nền tảng như: điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ, yêu cầu điều tra minh bạch, xác định thiệt hại nghiêm trọng, mối quan hệ nhân quả, nghĩa vụ thông báo và tham vấn, cũng như giới hạn về thời hạn và phạm vi áp dụng biện pháp.

Ngoài WTO, trong các hiệp định thương mại tự do mà Malaysia là thành viên (đặc biệt là CPTPP), các quy định về tự vệ song phương hoặc khu vực có thể được áp dụng song song, nhưng cơ chế tự vệ toàn cầu theo WTO vẫn là nền tảng pháp lý chính trong hệ thống pháp luật Malaysia.

2. Cơ sở pháp lý trong nước

Ở cấp độ nội luật, cơ sở pháp lý trực tiếp và quan trọng nhất điều chỉnh điều tra và áp

dụng biện pháp tự vệ tại Malaysia là:

Đạo luật Biện pháp Tự vệ 2006 (Safeguards Act 2006)

Đạo luật này được ban hành nhằm nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ của Malaysia theo Hiệp định Safeguards của WTO. Safeguards Act 2006 quy định một cách toàn diện về:

Điều kiện khởi xướng và tiến hành điều tra tự vệ;

Trình tự, thủ tục điều tra;

Quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan;

Các loại biện pháp tự vệ có thể áp dụng;

Thời hạn, gia hạn và rà soát biện pháp tự vệ.

Ngoài ra, việc thực thi đạo luật này còn được hướng dẫn bởi các văn bản dưới luật, quy định chi tiết về thủ tục hành chính, biểu mẫu, thời hạn và phương thức thu thập thông tin.

Theo Safeguards Act 2006, Bộ Thương mại và Công nghiệp Quốc tế Malaysia (MITI – Ministry of International Trade and Industry) là cơ quan có thẩm quyền trung tâm trong việc:

Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu điều tra tự vệ;

Quyết định khởi xướng điều tra;

Tổ chức thu thập, phân tích thông tin;

Đưa ra kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng;

Kiến nghị áp dụng, sửa đổi hoặc chấm dứt biện pháp tự vệ.

MITI có thể phối hợp với các cơ quan khác như Hải quan Hoàng gia Malaysia, các

bộ ngành liên quan và chuyên gia kinh tế – kỹ thuật trong quá trình điều tra.

III. Quy trình điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ tại Malaysia

Quy trình điều tra tự vệ của Malaysia được thiết kế theo hướng tương thích chặt chẽ với Hiệp định Safeguards của WTO, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và quyền tham gia của các bên liên quan.

1. Nộp đơn và khởi xướng điều tra

Quy trình điều tra thường được khởi xướng trên cơ sở đơn yêu cầu bằng văn bản của ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp của ngành đó. Đơn yêu cầu phải bao gồm các thông tin và bằng chứng sơ bộ về:

Sự gia tăng nhập khẩu của sản phẩm bị điều tra (về lượng, giá trị hoặc thị phần);

Tình trạng thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất nội địa;

Mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu gia tăng và thiệt hại.

Sau khi xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, MITI sẽ quyết định khởi xướng hoặc không khởi xướng điều tra. Trường hợp cần thiết, MITI cũng có thể khởi xướng điều tra theo thẩm quyền riêng (ex officio) nếu có đủ bằng chứng.

2. Thông báo và đăng ký các bên liên quan

Ngay sau khi khởi xướng điều tra, MITI sẽ:

Công bố thông báo khởi xướng trên Công báo chính thức;

Thông báo cho các bên liên quan như nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, chính phủ các nước xuất khẩu;

Thông báo cho Ủy ban Tự vệ của WTO theo nghĩa vụ quốc tế.

Các bên liên quan có quyền đăng ký tham gia vụ việc, nộp ý kiến bằng văn bản và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan điều tra.

3. Thu thập thông tin và điều tra thực chất

Giai đoạn điều tra thực chất là trọng tâm của toàn bộ quy trình. MITI sẽ tiến hành:

Gửi bảng câu hỏi cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;

Thu thập dữ liệu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thị phần, việc làm, năng lực sản xuất;

Phân tích xu hướng nhập khẩu trong giai đoạn điều tra;

Đánh giá các yếu tố kinh tế có liên quan khác ngoài nhập khẩu.

Việc xác định thiệt hại nghiêm trọng được thực hiện trên cơ sở đánh giá tổng thể và khách quan, không chỉ dựa vào một chỉ tiêu đơn lẻ. Đồng thời, MITI phải chứng minh rõ mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu gia tăng và thiệt hại, loại trừ tác động của các yếu tố khác.

4. Kết luận sơ bộ và biện pháp tự vệ tạm thời

Trong trường hợp có bằng chứng rõ ràng cho thấy nhập khẩu gia tăng đang gây ra thiệt hại nghiêm trọng và cần hành động

khẩn cấp, MITI có thể ban hành kết luận sơ bộ và kiến nghị áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời.

Biện pháp tự vệ tạm thời thường dưới hình thức tăng thuế nhập khẩu, được áp dụng trong thời gian ngắn nhằm ngăn chặn thiệt hại tiếp diễn trong khi điều tra vẫn đang được tiến hành.

5. Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

Sau khi hoàn tất điều tra, MITI sẽ ban hành kết luận cuối cùng, trong đó xác định rõ:

Có hay không sự gia tăng nhập khẩu;

Có hay không thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng;

Có hay không mối quan hệ nhân quả;

Loại biện pháp, mức độ và thời hạn áp dụng (nếu có).

Biện pháp tự vệ chính thức có thể bao gồm thuế tự vệ hoặc hạn ngạch nhập khẩu, với thời hạn áp dụng ban đầu thường không quá 4 năm và có thể gia hạn theo quy định của WTO.

IV. Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ tại Malaysia

1. Tàn suất và lĩnh vực áp dụng

Trong thực tiễn, Malaysia không phải là quốc gia thường xuyên sử dụng biện pháp tự vệ, nhưng đã có một số vụ việc đáng chú ý, đặc biệt trong các ngành:

Thép và sản phẩm thép;

Nông sản;

Hàng công nghiệp có tính nhạy cảm cao.

Malaysia thường chỉ khởi xướng điều tra



tự vệ khi có áp lực lớn từ ngành sản xuất trong nước và có bằng chứng tương đối rõ ràng về thiệt hại nghiêm trọng.

2. Đặc điểm nổi bật trong thực tiễn

Thực tiễn điều tra tự vệ của Malaysia cho thấy một số đặc điểm đáng chú ý:

Quy trình điều tra được thực hiện khá chặt chẽ và thận trọng, nhằm hạn chế rủi ro tranh chấp quốc tế;

Malaysia ưu tiên sử dụng biện pháp thuế tự vệ hơn là hạn ngạch;

Mức độ minh bạch tương đối cao, tạo điều kiện cho các bên liên quan tham gia và bảo vệ quyền lợi.

3. Tác động đối với đối tác thương mại

Các biện pháp tự vệ của Malaysia, dù không nhiều, vẫn có thể ảnh hưởng đáng kể tới các nước xuất khẩu, trong đó có Việt Nam. Do đó, việc nắm rõ quy trình, tiêu chí và thực tiễn điều tra tự vệ của Malaysia là hết sức cần thiết để doanh nghiệp xuất khẩu:

Chủ động theo dõi rủi ro;

Tham gia kịp thời vào quá trình điều tra;

Xây dựng chiến lược ứng phó hiệu quả.

V. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp

Khung pháp lý và quy trình điều tra tự vệ của Malaysia về cơ bản phù hợp với chuẩn mực WTO, đảm bảo sự cân bằng giữa bảo vệ ngành sản xuất trong nước và duy trì môi trường thương mại mở. Việc Malaysia áp dụng biện pháp tự vệ tương đối thận trọng cho thấy nước này coi trọng uy tín thương mại và cam kết quốc tế.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp Việt Nam, việc hiểu rõ cơ chế tự vệ của Malaysia sẽ giúp:

Nhận diện sớm nguy cơ bị điều tra;

Chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu để hợp tác với cơ quan điều tra;

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong các vụ việc phòng vệ thương mại.

VI. Kết luận

Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Malaysia phản ánh một hệ thống phòng vệ thương mại tương đối hoàn chỉnh, minh bạch và tuân thủ nghiêm túc các cam kết quốc tế. Dù không thường xuyên áp dụng, Malaysia vẫn duy trì cơ chế điều tra tự vệ như một công cụ cần thiết để bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước những biến động nhập khẩu bất thường, đồng thời góp phần duy trì sự ổn định và công bằng trong thương mại quốc tế.

Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Úc

I. Khái quát chung về biện pháp tự vệ và bối cảnh của Úc

Biện pháp tự vệ là một trong ba công cụ phòng vệ thương mại quan trọng bên cạnh chống bán phá giá và chống trợ cấp, cho phép một quốc gia tạm thời hạn chế nhập khẩu khi sự gia tăng đột biến của hàng hóa nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Khác với hai biện pháp còn lại, tự vệ không dựa trên hành vi cạnh tranh không lành mạnh của nhà xuất khẩu mà tập trung vào tác động khách quan của nhập khẩu gia tăng.

Úc là một nền kinh tế phát triển, có độ mở thương mại rất cao và đóng vai trò tích cực trong hệ thống thương mại đa phương. Với tư cách là thành viên WTO từ năm 1995 và là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, AANZFTA, Úc vừa có lợi ích trong việc duy trì thương mại tự do, vừa cần cơ chế pháp lý phù hợp để bảo vệ hợp lý ngành sản xuất trong nước trước các cú sốc nhập khẩu. Trong bối cảnh đó, hệ thống pháp luật và thực tiễn điều tra tự vệ của Úc được xây dựng theo hướng chặt chẽ, thận trọng và hạn chế sử dụng, phản ánh triết lý thương mại tự do nhưng có điều tiết.

II. Cơ sở pháp lý về điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ của Úc

1. Cơ sở pháp lý quốc tế

Ở cấp độ quốc tế, khung pháp lý điều

chỉnh việc điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ của Úc được xây dựng phù hợp với các nghĩa vụ trong khuôn khổ WTO, đặc biệt là:

Điều XIX GATT 1994 – điều khoản nền tảng cho phép áp dụng biện pháp tự vệ trong trường hợp nhập khẩu gia tăng bất thường;

Hiệp định về các biện pháp tự vệ của WTO (Agreement on Safeguards) – quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn và nghĩa vụ minh bạch khi áp dụng biện pháp tự vệ.

Các quy định này đặt ra những yêu cầu nghiêm ngặt như: xác định rõ sự gia tăng nhập khẩu, đánh giá thiệt hại nghiêm trọng, chứng minh mối quan hệ nhân quả, thực hiện điều tra công khai – minh bạch, nghĩa vụ thông báo và tham vấn với các thành viên WTO có lợi ích liên quan.

Bên cạnh đó, trong các hiệp định thương mại tự do mà Úc là thành viên, đặc biệt là CPTPP, tồn tại các quy định về biện pháp tự vệ song phương. Tuy nhiên, trong thực tiễn, Úc chủ yếu dựa vào cơ chế tự vệ toàn cầu theo WTO, coi đây là chuẩn mực pháp lý chính yếu.

2. Cơ sở pháp lý trong nước

Hệ thống pháp luật nội địa của Úc về biện pháp tự vệ được xây dựng trên cơ sở nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ WTO. Văn bản pháp lý quan trọng nhất bao gồm:

Customs Act 1901 (Đạo luật Hải quan),



đặc biệt là các phân liên quan đến biện pháp tự vệ;

Customs Tariff (Anti-Dumping) Act 1975 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, trong đó có quy định liên quan đến điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ;

Các quy định dưới luật và hướng dẫn thực thi do Chính phủ và Bộ Công nghiệp, Khoa học và Tài nguyên ban hành.

Khung pháp lý này quy định cụ thể về điều kiện khởi xướng điều tra, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, phương pháp đánh giá thiệt hại nghiêm trọng, cũng như thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tự vệ.

3. Cơ quan có thẩm quyền điều tra

Tại Úc, cơ quan có thẩm quyền trung tâm trong việc điều tra các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm tự vệ, là Ủy ban Chống bán phá giá Úc (Anti-Dumping Commission – ADC), trực thuộc Bộ Công nghiệp, Khoa học và Tài nguyên.

ADC chịu trách nhiệm:

Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ yêu cầu

điều tra;

Tiến hành điều tra, thu thập và phân tích dữ liệu;

Ban hành kết luận sơ bộ và báo cáo cuối cùng;

Kiến nghị Bộ trưởng có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tự vệ.

III. Quy trình điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ tại Úc

1. Khởi xướng điều tra

Quy trình điều tra tự vệ tại Úc thường được khởi xướng trên cơ sở đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước. Đơn yêu cầu phải cung cấp các thông tin và bằng chứng sơ bộ chứng minh rằng:

Sản phẩm nhập khẩu đang gia tăng một cách đáng kể, tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước;

Ngành sản xuất nội địa đang chịu thiệt hại nghiêm trọng hoặc đối mặt với nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng;

Có mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu gia tăng và thiệt hại.

Sau khi xem xét tính đầy đủ và hợp lệ

của hồ sơ, ADC sẽ quyết định có khởi xướng điều tra hay không. Trong một số trường hợp đặc biệt, ADC có thể khởi xướng điều tra theo thẩm quyền riêng, nhưng điều này rất hiếm trong thực tiễn.

2. Thông báo và tham gia của các bên liên quan

Ngay sau khi khởi xướng điều tra, ADC công bố thông tin trên Công báo và trang thông tin chính thức, đồng thời thông báo cho các bên liên quan, bao gồm:

- Nhà sản xuất trong nước;
- Nhà nhập khẩu;
- Nhà xuất khẩu nước ngoài;
- Chính phủ các nước xuất khẩu liên quan.

Các bên có quyền đăng ký tham gia vụ việc, tiếp cận thông tin không mật, nộp ý kiến bằng văn bản và cung cấp dữ liệu phục vụ điều tra.

3. Thu thập và phân tích thông tin

Trong giai đoạn điều tra thực chất, ADC tiến hành thu thập dữ liệu thông qua bảng câu hỏi, tài liệu kế toán, thống kê thương mại và các nguồn thông tin độc lập. Việc đánh giá thiệt hại nghiêm trọng được thực hiện trên cơ sở xem xét toàn diện các chỉ tiêu như:

- Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận;
- Thị phần và năng lực sản xuất;
- Việc làm và tiền lương;
- Khả năng huy động vốn và đầu tư.

Đồng thời, ADC phải phân tích kỹ mối quan hệ nhân quả, loại trừ ảnh hưởng của các yếu tố khác ngoài nhập khẩu gia tăng.

4. Kết luận sơ bộ và biện pháp tạm

thời

Trong trường hợp có tình huống khẩn cấp, khi việc chậm trễ có thể gây ra thiệt hại khó khắc phục, ADC có thể ban hành kết luận sơ bộ và kiến nghị áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời, thường dưới hình thức tăng thuế nhập khẩu.

Biện pháp tạm thời chỉ được áp dụng trong thời gian ngắn và phải tuân thủ chặt chẽ các điều kiện của WTO.

5. Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp tự vệ

Sau khi hoàn tất điều tra, ADC trình báo cáo cuối cùng lên Bộ trưởng có thẩm quyền. Trên cơ sở đó, Chính phủ Úc quyết định:

Có hay không áp dụng biện pháp tự vệ;

Hình thức biện pháp (thuế hoặc hạn ngạch);

Mức độ và thời hạn áp dụng.

Thời hạn áp dụng ban đầu thường không quá 4 năm và có thể được gia hạn theo quy định của WTO.

IV. Thực tiễn điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ của Úc

1. Tàn suất áp dụng thấp

Một đặc điểm nổi bật trong thực tiễn của Úc là rất ít khi sử dụng biện pháp tự vệ. Trong nhiều năm, số vụ điều tra tự vệ tại Úc là rất hạn chế so với chống bán phá giá và chống trợ cấp. Điều này phản ánh quan điểm chính sách của Úc là ưu tiên thương mại tự do và chỉ sử dụng tự vệ như công cụ cuối cùng.

2. Lĩnh vực và đối tượng điều tra

Các vụ việc hiềm hoi về tự vệ tại Úc chủ yếu liên quan đến các ngành có tính nhạy cảm cao như thép, sản phẩm kim loại và một số nông sản. Ngưỡng chứng minh thiệt hại nghiêm trọng được áp dụng rất nghiêm ngặt, khiến việc khởi xướng và áp dụng biện pháp tự vệ trở nên khó khăn.

3. Mức độ minh bạch và tuân thủ WTO

Thực tiễn điều tra tự vệ của Úc được đánh giá cao về tính minh bạch và tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực WTO. Úc luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo, tham vấn và giải trình với các đối tác thương mại, hạn chế tối đa nguy cơ tranh chấp quốc tế.

V. Đánh giá chung và hàm ý đối với doanh nghiệp

Hệ thống pháp lý và quy trình điều tra tự vệ của Úc được xây dựng bài bản, chặt chẽ và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp tự vệ trong thực tiễn lại rất hạn chế, cho thấy Úc coi đây là công cụ mang tính phòng ngừa hơn là biện pháp bảo hộ thường xuyên.

Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp Việt Nam, hiểu rõ cơ chế điều tra tự vệ của Úc có ý nghĩa quan trọng trong việc:

- Theo dõi rủi ro bị điều tra khi xuất khẩu tăng nhanh;
- Chủ động hợp tác và cung cấp thông tin khi có điều tra;
- Xây dựng chiến lược xuất khẩu bền vững vào thị trường Úc.

VI. Kết luận

Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Úc phản ánh sự cân bằng giữa cam kết thương mại tự do và nhu cầu bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Với khung pháp lý chặt chẽ, quy trình minh bạch và thực tiễn áp dụng thận trọng, Úc đã xây dựng được một cơ chế tự vệ phù hợp với chuẩn mực WTO, đồng thời hạn chế lạm dụng công cụ này trong chính sách thương mại.

Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra tự vệ của Mexico

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ BIỆN PHÁP TỰ VỆ CỦA MEXICO

Biện pháp tự vệ (Safeguards) tại Mexico được hiểu là các biện pháp khẩn cấp, tạm thời nhằm hạn chế nhập khẩu một loại hàng hóa khi sự gia tăng đột ngột của hàng hóa đó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa.

1.1. Khung pháp lý quốc tế

Là một thành viên tích cực của WTO và sở hữu mạng lưới FTA rộng khắp, khung pháp lý của Mexico tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc đa phương và khu vực.

1.1.1. Hiệp định về Tự vệ (Agreement on Safeguards - AS) của WTO

Đây là văn bản nền tảng điều chỉnh việc áp dụng biện pháp tự vệ của Mexico trên phạm vi toàn cầu (Tự vệ toàn cầu). Mexico phải chứng minh đủ 3 điều kiện tiên quyết:

- **Sự gia tăng hàng nhập khẩu:** Phải là sự gia tăng đột ngột, đáng kể về số lượng tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước.

- **Thiệt hại nghiêm trọng (Serious Injury):** Đây là mức độ cao hơn so với “thiệt hại đáng kể” trong chống bán phá giá hay chống trợ cấp. Nó đòi hỏi sự suy giảm tổng thể và rõ rệt về vị thế của một ngành sản xuất (căn cứ vào công suất, lợi nhuận, việc làm...).

Mối quan hệ nhân quả: Mexico phải

chứng minh bằng các bằng chứng khách quan rằng sự gia tăng nhập khẩu là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại, đồng thời loại trừ các yếu tố khác.

1.1.2. Điều XIX của Hiệp định GATT 1994

Điều khoản này cho phép Mexico tạm thời đình chỉ các cam kết thuế quan nếu hàng hóa nhập khẩu tăng “do những diễn biến không lường trước được” (**Unforeseen developments**). Đây là tiêu chuẩn khắt khe mà các cơ quan điều tra Mexico (UPCI) luôn phải đưa vào hồ sơ để tránh bị kiện ngược tại WTO.

1.1.3. Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)



Mexico sử dụng các FTA để quy định về “Tự vệ song phương” – áp dụng riêng cho các đối tác trong hiệp định:

- **Hiệp định USMCA (Hoa Kỳ - Mexico - Canada):** Kế thừa từ NAFTA, USMCA cho phép Mexico áp dụng các biện pháp tự vệ trong giai đoạn chuyển đổi nếu việc

giảm thuế gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa. Đặc biệt, có quy định về việc “loại trừ” các đối tác trong khối khối một biện pháp tự vệ toàn cầu nếu hàng hóa của họ không đóng góp đáng kể vào thiệt hại.

CPTPP và FTA EU-Mexico: Quy định các cơ chế tham vấn chặt chẽ và bồi thường thương mại nếu Mexico quyết định áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hóa từ các khu vực này.

1.2. Khung pháp lý nội địa của Mexico

Khung pháp lý nội địa của Mexico được đánh giá là rất chi tiết, tạo ra một quy trình hành chính minh bạch nhưng cũng rất quyết liệt trong bảo hộ.

1.2.1. Luật Ngoại thương (Ley de Comercio Exterior - LCE)

LCE là văn bản pháp lý cao nhất tại Mexico quy định về phòng vệ thương mại.

•**Mục tiêu:** Quy định tại các Điều 45 đến Điều 48, Luật này xác lập các tiêu chí cụ thể để định nghĩa "ngành sản xuất trong nước" và các tình huống khẩn cấp cho phép áp dụng tự vệ.



Tính pháp lý: Luật này khẳng định các biện pháp tự vệ có thể là thuế quan (đặc định hoặc trị giá), hạn ngạch nhập khẩu, hoặc giấy phép nhập khẩu.

1.2.2. Quy chế thực thi Luật Ngoại thương (Reglamento de la Ley de Comercio Exterior)

Văn bản này đóng vai trò hướng dẫn kỹ thuật cho các điều tra viên:

- Quy định chi tiết về các loại dữ liệu kinh tế cần thu thập.
- Thiết lập thời hạn cụ thể cho từng bước trong quy trình điều tra (thông báo, đối thoại, thẩm tra).

Hướng dẫn cách thức tính toán thiệt hại và xác định "tình tiết không lường trước được".

1.2.3. Cơ quan có thẩm quyền: Bộ Kinh tế và UPCI

Hệ thống thực thi của Mexico tập trung quyền lực vào Bộ Kinh tế (Secretaría de Economía):

•**Bộ Kinh tế:** Là cơ quan ra quyết định cuối cùng về việc áp dụng, sửa đổi hoặc bãi bỏ các biện pháp tự vệ thông qua các sắc lệnh công bố trên Nhật báo Liên bang (DOF).

•**Đơn vị Thực hành Thương mại Quốc tế (Unidad de Prácticas Comerciales Internacionales - UPCI):** Đây là "trái tim" của hệ thống điều tra.

o**Chức năng:** UPCI chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn kiện, tiến hành điều tra thực địa, phân tích số liệu kinh tế và pháp lý.

Vai trò: Đảm bảo rằng mọi biện pháp

tự vệ của Mexico đều dựa trên bằng chứng kỹ thuật vững chắc để có thể bảo vệ được trước các tòa án trong nước cũng như các hội thẩm đoàn quốc tế.

2. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TỰ VỆ TẠI MEXICO

Quy trình điều tra tự vệ tại Mexico là một tiến trình hành chính phức tạp, được thiết kế để cân bằng giữa quyền lợi của ngành sản xuất nội địa và các nghĩa vụ quốc tế của quốc gia này. Khác với điều tra chống bán phá giá hay chống trợ cấp (nhắm vào hành vi thương mại không công bằng), điều tra tự vệ nhắm vào hàng hóa nhập khẩu “hợp lệ” nhưng tăng quá nhanh. Do đó, quy trình này tại Mexico có những tiêu chuẩn khắt khe về bằng chứng và thời gian.

2.1. Giai đoạn chuẩn bị và Khởi xướng điều tra (*Inicio de la Investigación*)

2.1.1. Chủ thể có quyền nộp đơn

Theo Điều 52 của Luật Ngoại thương (LCE), cuộc điều tra thường bắt đầu bằng một đơn yêu cầu từ các thể nhân hoặc pháp nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước.

•**Tính đại diện (Standing):** Đơn kiện phải được nộp bởi ít nhất **25%** tổng sản lượng quốc gia của hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên, trong thực tế, Bộ Kinh tế Mexico (*Secretaría de Economía*) thường yêu cầu một tỷ lệ ủng hộ cao hơn để đảm bảo tính thực tế của thiệt hại trên quy mô toàn ngành.

Quyền tự khởi xướng: UPCI có quyền tự khởi xướng điều tra (*ex officio*) khi có

bằng chứng rõ ràng về sự gia tăng đột biến hàng nhập khẩu gây nguy hiểm cho an ninh kinh tế quốc gia, dù chưa có đơn kiện chính thức.

2.1.2. Yêu cầu về hồ sơ và bằng chứng sơ bộ

Đơn kiện nộp lên UPCI phải chứa đựng “bằng chứng tốt nhất hiện có” về ba trụ cột:

Sự gia tăng hàng nhập khẩu: Số liệu thống kê trong ít nhất 3 năm gần nhất cho thấy sự gia tăng tuyệt đối (về khối lượng) hoặc tương đối (so với sản xuất nội địa).

Thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa thiệt hại: Các chỉ số như sự sụt giảm doanh số, lợi nhuận, thị phần, công suất sử dụng và việc làm.

Diễn biến không lường trước được: Đây là điểm khác biệt lớn trong quy trình của Mexico. Người nộp đơn phải giải thích tại sao sự gia tăng này không thể dự báo trước tại thời điểm ký kết các hiệp định thương mại (ví dụ: khủng hoảng tài chính toàn cầu, sự thay đổi công nghệ đột ngột).

2.1.3. Xem xét và Quyết định khởi xướng

Trong vòng **30 ngày** kể từ khi nhận đơn, UPCI phải thực hiện một trong ba hành động: chấp nhận đơn và khởi xướng điều tra; yêu cầu bổ sung thông tin; hoặc bác bỏ đơn do thiếu bằng chứng. Nếu được chấp nhận, lệnh khởi xướng sẽ được công bố trên Công báo **Diario Oficial de la Federación (DOF)**.

2.2. Giai đoạn Điều tra Kỹ thuật và Thu thập thông tin

Sau khi thông báo khởi xướng được

công bố, quy trình bước vào giai đoạn thực nghiệm khẩn khe nhất.

2.2.1. *Gửi và thu hồi bản câu hỏi điều tra*

UPCI gửi bản câu hỏi chi tiết cho tất cả các bên liên quan được xác định (nhà xuất khẩu nước ngoài, nhà nhập khẩu Mexico, các hiệp hội thương mại).

•**Thời hạn:** Các bên thường có **23 ngày làm việc** để trả lời. Việc không phản hồi hoặc phản hồi không đầy đủ sẽ dẫn đến việc UPCI sử dụng “Thông tin sẵn có bất lợi” (Adverse Facts Available) để ra phán quyết.

Bảo mật thông tin: Quy trình Mexico phân tách rõ ràng giữa "Hồ sơ công khai" (Public File) và "Hồ sơ bảo mật" (Confidential File). Các bên chỉ được tiếp cận thông tin tóm tắt không bảo mật của đối phương để đảm bảo tính cạnh tranh công bằng.

2.2.2. *Thẩm tra tại chỗ (Visitación)*

Đây là bước quan trọng để kiểm chứng tính xác thực của dữ liệu. Các chuyên gia kinh tế và kế toán của UPCI sẽ tiến hành các cuộc thẩm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp của người nộp đơn và các nhà nhập khẩu lớn tại Mexico.

•**Nội dung thẩm tra:** Đối soát số liệu báo cáo tài chính, hóa đơn bán hàng, bảng lương và báo cáo tồn kho với những gì đã kê khai trong bản câu hỏi.

Thẩm tra nước ngoài: Mặc dù ít phổ biến hơn trong các vụ tự vệ toàn cầu, nhưng

nếu cần thiết, Mexico có thể yêu cầu thẩm tra tại nước xuất khẩu nếu được sự đồng ý của chính phủ và doanh nghiệp nước đó.

2.3. *Các biện pháp Tự vệ Tạm thời (Medidas Provisionales)*

Luật Mexico cho phép áp dụng biện pháp tạm thời trong những “tình huống khẩn cấp” mà sự chậm trễ có thể gây ra thiệt hại khó có thể khắc phục.

•**Điều kiện:** Thường sau ít nhất **45 ngày** kể từ khi khởi xướng, nếu kết quả sơ bộ cho thấy có bằng chứng rõ ràng về thiệt hại.

•**Hình thức:** Chủ yếu là thuế quan tạm thời. Khoản thuế này được nộp dưới dạng ký quỹ hoặc bảo lãnh điếm định.

Thời hạn: Không quá **200 ngày**. Nếu kết quả cuối cùng là không áp thuế, khoản tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà nhập khẩu kèm lãi suất.

2.4. *Giai đoạn Tham vấn và Đối thoại Công khai*

2.4.1. *Phiên điều trần công khai (Audiencia Pública)*

UPCI tổ chức phiên điều trần để các bên trực tiếp trình bày lập luận. Đây là cơ hội để các nhà nhập khẩu và chính phủ nước ngoài phản đối các cáo buộc của ngành sản xuất Mexico.

•**Quy trình:** Các bên trình bày tham luận, sau đó có quyền đặt câu hỏi trực tiếp cho nhau dưới sự điều phối của điều tra viên UPCI.

Đối đầu kỹ thuật: Các cuộc tranh luận thường xoay quanh việc phân tích “yếu tố

gây hại khác” (non-attribution analysis) – ví dụ: nhà nhập khẩu lập luận rằng thiệt hại của ngành sản xuất Mexico là do quản lý yếu kém hoặc công nghệ lạc hậu chứ không phải do hàng nhập khẩu.

2.4.2. *Tham vấn quốc tế*

Theo Hiệp định về Tự vệ của WTO, Mexico có nghĩa vụ tham vấn với các quốc gia có lợi ích xuất khẩu chính. Đây là quá trình đàm phán chính trị - thương mại nhằm tìm kiếm các biện pháp thay thế hoặc thỏa thuận về bồi thường thương mại (giảm thuế cho mặt hàng khác của Mexico để bù đắp).

2.5. *Kết luận Cuối cùng và Áp dụng Biện pháp (Resolución Final)*

2.5.1. *Xác lập kết luận cuối cùng*

UPCI phải tổng hợp toàn bộ dữ liệu để đưa ra kết luận về:

- Mức độ gia tăng hàng nhập khẩu (tuyệt đối và tương đối).
- Sự tồn tại của thiệt hại nghiêm trọng.
- Mối quan hệ nhân quả (loại trừ các yếu tố khác).

Lợi ích công cộng (Public Interest): Một điểm đặc thù của Mexico là Bộ Kinh tế có thể xem xét liệu việc áp thuế tự vệ có gây hại quá mức cho người tiêu dùng hoặc các ngành công nghiệp hạ nguồn (ví dụ: áp thuế tự vệ thép có thể làm tăng giá xe hơi sản xuất tại Mexico).

2.5.2. *Hình thức và Thời hạn của biện pháp*

Nếu kết quả là khẳng định, Bộ Kinh tế ban hành Nghị quyết cuối cùng trên DOF.

•**Hình thức:** Thuế quan bổ sung, hạn ngạch thuế quan (TRQ), hoặc hạn ngạch tuyệt đối.

•**Thời hạn:** Tối đa **4 năm**, bao gồm cả thời gian áp dụng biện pháp tạm thời.

•**Gia hạn:** Có thể gia hạn tối đa lên đến **10 năm** (đối với tự vệ toàn cầu, do Mexico là nước đang phát triển) nếu ngành sản xuất chứng minh được họ đang thực hiện kế hoạch điều chỉnh cấu trúc (adjustment plan) để trở nên cạnh tranh hơn.

2.6. *Cơ chế Rà soát và Khiếu nại*

Quy trình không kết thúc ở quyết định cuối cùng. Hệ thống pháp luật Mexico cung cấp các tầng lớp bảo vệ:

•**Rà soát hành chính:** UPCI thực hiện rà soát định kỳ (thường là hàng năm) để điều chỉnh mức thuế hoặc hạn ngạch cho phù hợp với tình hình thị trường.

•**Khiếu nại tư pháp:** Các bên có thể kiện quyết định của Bộ Kinh tế ra **Tòa án Liên bang về Công lý Hành chính (TFJA)** của Mexico.

•**Giải quyết tranh chấp quốc tế:** Nếu là doanh nghiệp từ các quốc gia USMCA hoặc CPTPP, họ có thể sử dụng các hội đồng trọng tài của hiệp định. Ngoài ra, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO là lựa chọn cuối cùng.

3. THỰC TIỄN ĐIỀU TRA TỰ VỆ CỦA MEXICO

Mexico được biết đến là một quốc gia tích cực sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại tại Mỹ Latinh, nhưng có một

sự phân hóa rõ rệt trong cách tiếp cận.

•**Thứ nhất, sự ưu tiên đối với Chống bán phá giá (CBPG):** So với hàng trăm vụ việc chống bán phá giá đã thực hiện, số lượng vụ việc tự vệ của Mexico cực kỳ khiêm tốn. Điều này là do biện pháp tự vệ mang tính “vô phân biệt” (áp dụng cho tất cả các nước), buộc Mexico phải đối mặt với nguy cơ trả đũa hoặc bồi thường thương mại cho tất cả các đối tác lớn.

•**Thứ hai, xu hướng “Song phương hóa”:** Mexico ưu tiên sử dụng các cơ chế tự vệ song phương trong khuôn khổ các FTA (như USMCA hoặc FTA với EU). Các cơ chế này cho phép Mexico bảo hộ ngành nông nghiệp hoặc dệt may một cách có mục tiêu, ít gây tranh động đến quan hệ đa phương tại WTO.

Thứ ba, sự khắt khe về mặt kỹ thuật: Cơ quan điều tra UPCI của Mexico duy trì một tiêu chuẩn chứng cứ rất cao đối với các vụ tự vệ toàn cầu. Việc này nhằm đảm bảo các quyết định áp thuế không bị lật ngược bởi Cơ quan Giải quyết tranh chấp của WTO – nơi các quy định về tự vệ vốn rất chặt chẽ và thường nghiêng về phía nước xuất khẩu.

3.1. Các vụ việc điều tra/áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu

Tính đến hết tháng 6 năm 2025, Mexico mới chỉ khởi xướng điều tra 02 vụ việc tự vệ và cả 02 vụ việc này đều dẫn tới kết luận không áp thuế.

3.1.1. Vụ việc Ván gỗ ép (Plywood) - Năm 2002

Đây là vụ việc đặt nền móng cho thực tiễn xét xử tự vệ của Mexico theo các chuẩn mực WTO.

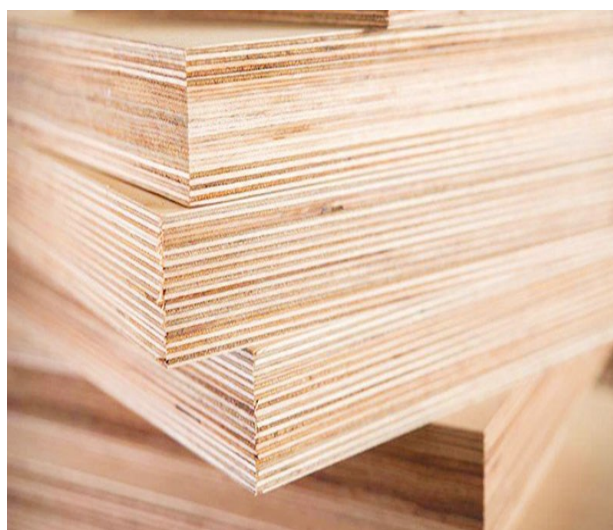
•**Mặt hàng:** Ván gỗ ép (Plywood) làm từ gỗ lá rộng hoặc gỗ lá kim.

•**Thời gian:** Khởi xướng ngày **21/05/2002**.

•**Diễn biến:** Ngành sản xuất nội địa (đại diện bởi ANAFATA) lo ngại làn sóng nhập khẩu từ các nước Đông Nam Á và Chile đe dọa sự tồn tại của các xưởng sản xuất gỗ địa phương. Mexico đã thực hiện đầy đủ quy trình tham vấn quốc tế theo quy định của Hiệp định Tự vệ WTO.

•**Kết quả:** Ngày **02/06/2005**, Bộ Kinh tế Mexico đã ban hành nghị quyết cuối cùng **chấm dứt cuộc điều tra mà không áp dụng thuế**.

Lý do: Sau hơn 3 năm theo đuổi, Mexico không chứng minh được sự gia tăng nhập khẩu là “nguyên nhân chính” gây ra thiệt hại nghiêm trọng, đồng thời ngành sản xuất trong nước đã rút đơn yêu cầu do thị trường có dấu hiệu hồi phục tự nhiên.



3.1.2. Vụ việc Các sản phẩm Thép tấm (Steel Plates) - Năm 2010

Vụ việc này thể hiện sự đối đầu trực diện giữa nhu cầu bảo hộ ngành thép và các quy định khắt khe của WTO về “diễn biến không lường trước được”.

•**Mặt hàng:** Các loại thép tấm cán nóng và cán nguội (mã HS 7208, 7210, 7225...).

•**Thời gian:** Cuộc điều tra này có diễn biến phức tạp, bắt đầu nhen nhóm từ năm 2005 nhưng các báo cáo và kết luận cuối cùng được WTO ghi nhận hoàn tất vào năm 2010.

•**Diễn biến:** Mexico chịu áp lực lớn từ hiệp hội thép trong nước trước sự dư thừa công suất thép toàn cầu. Tuy nhiên, các đối tác thương mại lớn (như Hàn Quốc, EU) đã phản đối quyết liệt, cho rằng Mexico không làm rõ được yếu tố “không lường trước” (unforeseen developments).

•**Kết quả:** Mexico ban hành quyết định không áp dụng biện pháp tự vệ.

Lý do: UPCI kết luận rằng mặc dù nhập khẩu có tăng nhưng không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn pháp lý cao nhất về “thiệt hại nghiêm trọng” theo Điều 4 của Hiệp định Tự vệ. Thay vào đó, sau vụ việc này, Mexico chuyển hướng sang sử dụng các biện pháp thuế quan MFN (thuế tối huệ quốc) và chống bán phá giá để bảo vệ ngành thép hiệu quả hơn.

3.2. Các vụ việc tự vệ song phương

Khác với sự thận trọng ở cấp độ WTO, Mexico đã khởi xướng nhiều vụ việc tự vệ

song phương, đặc biệt là trong các ngành nhạy cảm như nông nghiệp và dệt may.

3.3.1. Trong khuôn khổ NAFTA (nay là USMCA) - Với Hoa Kỳ

Đây là khu vực Mexico sử dụng tự vệ song phương nhiều nhất do áp lực từ sức cạnh tranh không lồ của nông nghiệp Mỹ.

•Vụ việc Đùi gà (Chicken Leg Quarters) - 2003:

◦**Bối cảnh:** Theo lộ trình của NAFTA, thuế nhập khẩu đùi gà từ Mỹ về Mexico sẽ về 0% vào năm 2003. Các nhà chăn nuôi gia cầm Mexico lo ngại sự sụp đổ của ngành sản xuất trong nước.

◦**Biện pháp:** Mexico đã khởi xướng tự vệ song phương và áp dụng một hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với đùi gà Mỹ trong 5 năm (2003-2008).

◦**Kết quả:** Biện pháp này đã giúp ngành gia cầm Mexico có thêm thời gian để hiện đại hóa sản xuất trước khi mở cửa hoàn toàn.

◦Vụ việc Hành tây và Táo:

Mexico đã nhiều lần sử dụng cơ chế giám sát và đe dọa áp dụng tự vệ song phương đối với táo và hành tây nhập khẩu từ Mỹ khi giá nội địa giảm sâu do nguồn cung từ phía Bắc tràn sang theo mùa vụ.

3.3.2. Với các đối tác Mỹ Latinh (Cơ chế ALADI và các FTA song phương)

Mexico thường sử dụng tự vệ để đối phó với sự biến động tỷ giá hoặc sự gia tăng sản xuất đột biến từ các nước láng giềng.

•Vụ việc Giày dép với Brazil và các

nước láng giềng:

o Trong nhiều giai đoạn, Mexico đã áp dụng các biện pháp tự vệ song phương đối với giày dép có xuất xứ từ khối các nước Mỹ Latinh khi lượng nhập khẩu tăng vượt ngưỡng cho phép trong hiệp định, gây thiệt hại cho cụm công nghiệp giày da tại bang León.

o Sản phẩm sữa với Uruguay:

Mexico từng điều tra và áp dụng hạn chế số lượng đối với một số sản phẩm sữa và phô mai từ Uruguay để bảo hộ ngành chăn nuôi bò sữa tại các bang miền Bắc Mexico.

3.3.3. Cơ chế tự vệ đặc thù với Trung Quốc (Transition Safeguards)

Mặc dù Trung Quốc không có FTA với Mexico, nhưng trong Nghị định thư gia nhập WTO của Trung Quốc có điều khoản cho phép các nước áp dụng tự vệ chuyển đổi. Mexico là quốc gia khai thác triệt để nhất cơ chế này:

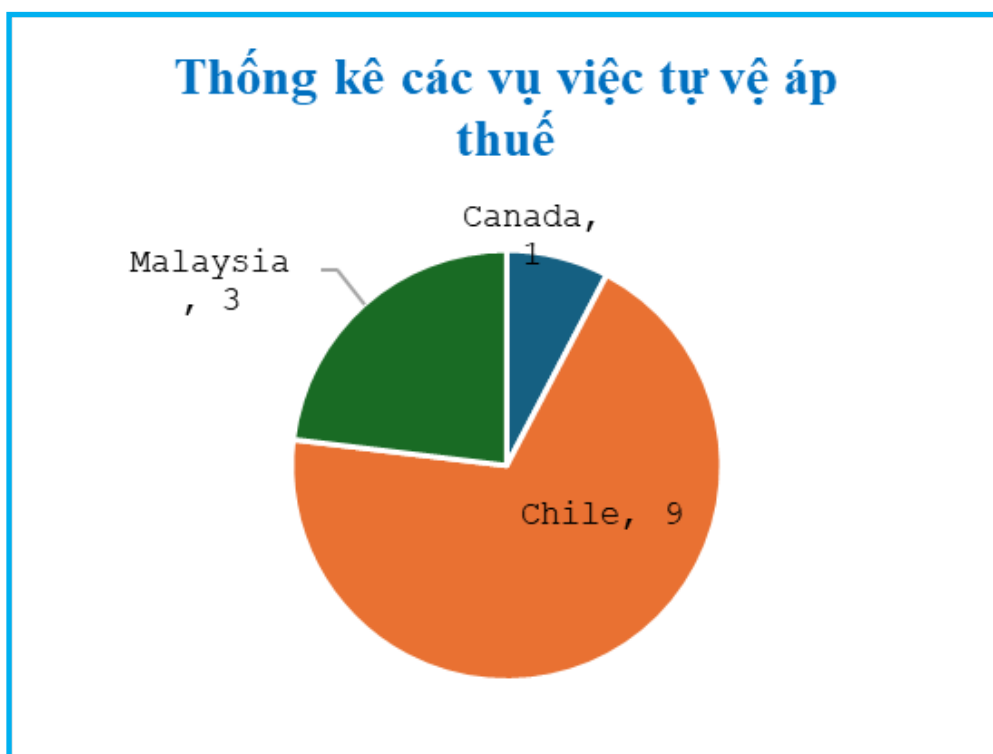
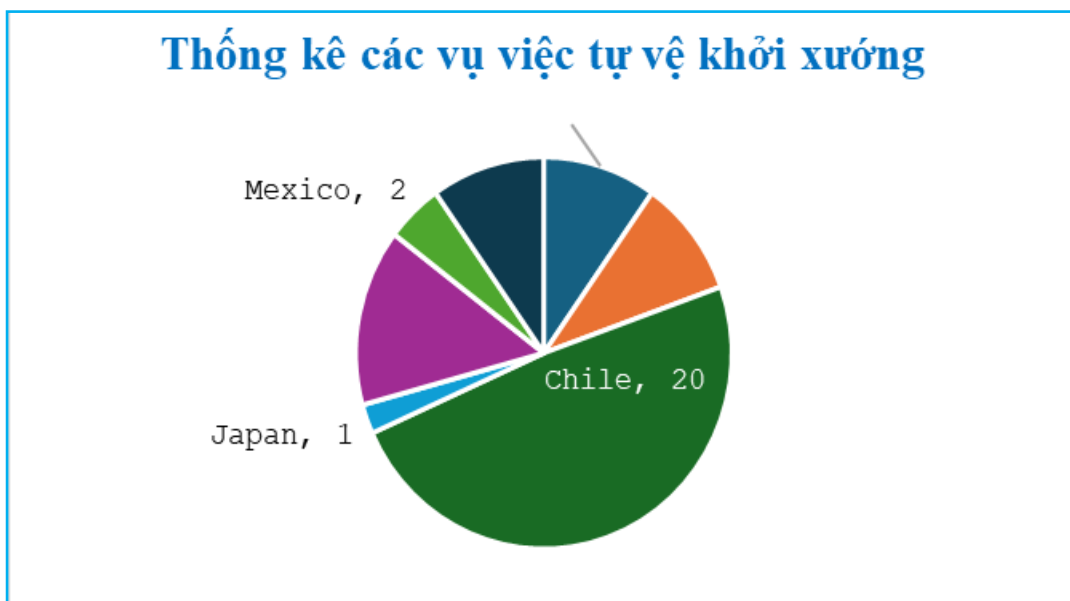
Giai đoạn 2001 - 2011: Mexico duy trì hàng loạt biện pháp tự vệ đối với **Dệt may, Giày da và Đồ chơi** từ Trung Quốc. Các biện pháp này không được tính là “toàn cầu” vì chỉ nhắm vào hàng hóa Trung Quốc, giúp Mexico duy trì sự sống còn cho các làng nghề truyền thống trước sức ép của hàng giá rẻ Á Đông.



Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra tự vệ tại thị trường các nước thành viên CPTPP

1. Tổng quan tình hình điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ của các nước thành viên CPTPP (ngoại trừ Việt Nam)

Theo số liệu thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tính đến hết tháng 6 năm 2025, các nước CPTPP (ngoại trừ Việt Nam) đã khởi xướng điều tra 41 vụ việc điều tra tự vệ. Trong đó, chỉ có 13 vụ việc dẫn tới kết luận áp thuế, chiếm tỷ lệ chưa tới 32%.



Từ

02 biểu

đồ trên có thể thấy, trong số các quốc gia thành viên CPTPP, 02 điểm nóng điều tra tự vệ gồm có:

Chile: là nước điều tra tự vệ nhiều nhất với 20 vụ việc khởi xướng, với tỷ lệ áp thuế 9/20 vụ, chiếm 45%.

Malaysia: đứng thứ hai với 6 vụ việc khởi xướng, tỷ lệ áp thuế 3/6 vụ, tương đương với 50%.

Các nước thành viên còn lại hầu như ít khi sử dụng biện pháp tự vệ. Có thể nói tự vệ toàn cầu là biện pháp ít được các nước thành viên CPTPP sử dụng nhất, so với các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp.

2. Nhóm mặt hàng trọng điểm thường xuyên bị điều tra

Theo số liệu thống kê về các vụ việc điều tra tự vệ do các nước thành viên CPTPP khởi xướng, các biện pháp này tập trung mạnh nhất vào nhóm công nghiệp nặng, thực phẩm và dệt may. Dưới đây là các nhóm mặt hàng trọng điểm phân theo danh mục WTO:

2.1. Nhóm XV: Kim loại cơ bản và các sản phẩm từ kim loại (*Base metals and articles of base metal*)

Đây là nhóm mặt hàng bị điều tra tự vệ nhiều nhất với tổng cộng 14 vụ việc.

•**Sản phẩm chủ yếu:** Thép cán nóng, thép cán nguội, thép mạ, ống thép và các sản phẩm nhôm.

Lý do nhạy cảm: Ngành thép thường xuyên đối mặt với tình trạng dư thừa công suất toàn cầu, dẫn đến lượng nhập khẩu

tăng đột biến khi các thị trường lớn khác áp dụng rào cản thương mại.

2.2. Nhóm I: Động vật sống và các sản phẩm từ động vật (*Live Animals; Animal Products*)

Đây là nhóm đứng thứ hai về tần suất điều tra tự vệ với 07 vụ việc.

•**Sản phẩm chủ yếu:** Thịt bò, thịt lợn, gia cầm (đặc biệt là các bộ phận gà đông lạnh), cá và các sản phẩm thủy sản chế biến.

Đặc điểm: Các quốc gia như Mexico hoặc Nhật Bản thường sử dụng biện pháp này để bảo vệ ngành chăn nuôi nội địa trước sự sụt giảm giá bán do hàng nhập khẩu tràn lan.

2.3. Nhóm II (*Sản phẩm thực vật*) và Nhóm XI (*Dệt may*)

Cả hai nhóm này đều ghi nhận 05 vụ việc điều tra tự vệ.

•**Nhóm II (Sản phẩm thực vật):** Chủ yếu là gạo, ngũ cốc, rau quả tươi và các loại hạt.

Nhóm XI (Dệt may): Bao gồm sợi vải, quần áo may sẵn và các sản phẩm dệt may khác. Đây là ngành hàng thâm dụng lao động, rất dễ bị kích hoạt điều tra tự vệ tại các nước có chi phí nhân công cao như Canada hoặc Mexico khi kim ngạch nhập khẩu từ Châu Á tăng quá nhanh.

2.4. Nhóm IV: Thực phẩm chế biến, đồ uống, rượu và thuốc lá

Ghi nhận 04 vụ việc điều tra tự vệ.

Sản phẩm chủ yếu: Các loại thực phẩm đóng hộp, bánh kẹo, đồ uống có cồn

và các chế phẩm từ ngũ cốc.

2.5. Các nhóm hàng khác

Ngoài các nhóm chủ lực trên, các nước CPTPP cũng đã khởi xướng điều tra tự vệ lẻ tẻ đối với các nhóm hàng khác như:

- Nhóm III:** Chất béo và dầu động vật/ thực vật (01 vụ).

- Nhóm VII & IX:** Nhựa, cao su và các sản phẩm từ gỗ (mỗi nhóm 01 vụ).

- Nhóm XIII:** Các sản phẩm bằng đá, thạch cao, xi măng, gốm sứ và thủy tinh (01 vụ).

Nhóm XVII & XX: Thiết bị vận tải và các mặt hàng chế biến khác (mỗi nhóm 01 vụ).

3. Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ

Khác với điều tra chống trợ cấp (CTC), hay điều tra chống bán phá giá (CBPG), tập trung vào các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, điều tra tự vệ (SG) nhắm vào sự gia tăng đột biến của hàng hóa nhập khẩu gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa. Dựa trên số liệu thống kê, các nhóm hàng sau đây đang nằm trong “vùng đỏ” nguy cơ:

3.1. Nhóm XV: Kim loại cơ bản và các sản phẩm từ kim loại (Sắt thép, Nhôm)

Nhóm XV là lĩnh vực “nhạy cảm” nhất và chịu sự kiểm soát gắt gao nhất từ các cơ quan phòng vệ thương mại trong khối CPTPP. Đây là nhóm mặt hàng dẫn đầu về số lượng các vụ khởi xướng điều tra tự vệ do tính chất chiến lược của ngành công nghiệp này đối với an ninh kinh tế của các quốc gia nhập khẩu.

a. Thống kê và các quốc gia tiêu điểm

Dựa trên dữ liệu thống kê từ WTO, nhóm XV ghi nhận tổng cộng **14 vụ việc** điều tra tự vệ đã được khởi xướng bởi các thành viên CPTPP. Việc áp dụng biện pháp tự vệ tại nhóm này không tập trung vào một quốc gia duy nhất mà nhắm tới sự gia tăng hàng nhập khẩu từ tất cả các nguồn để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Các quốc gia tiêu điểm bao gồm:

- Chile (06 vụ):** Là quốc gia tích cực nhất trong việc sử dụng công cụ tự vệ để bảo vệ ngành thép nội địa trước các biến động giá và lượng cung từ thị trường quốc tế.

- Malaysia (05 vụ):** Thường xuyên khởi xướng các vụ việc liên quan đến các sản phẩm thép cốt bê tông và thép cuộn để duy trì sự ổn định cho các nhà sản xuất trong nước.

- Canada (02 vụ):** Mặc dù Canada nổi tiếng với các vụ điều tra “kép” (chống bán phá giá và chống trợ cấp), quốc gia này vẫn sử dụng tự vệ như một biện pháp khẩn cấp khi thị trường thép biến động quá nhanh.

- Mexico (01 vụ):** Sử dụng biện pháp tự vệ để điều tiết dòng hàng kim loại nhập khẩu, đặc biệt là khi các quốc gia lân cận có sự thay đổi lớn về chính sách xuất khẩu.

b. Các mặt hàng tiêu biểu và nhạy cảm

Các sản phẩm trong nhóm này thường xuyên bị đưa vào “tâm ngắm” do có kim ngạch xuất khẩu lớn và tầm quan trọng trong chuỗi cung ứng hạ nguồn. Các mặt hàng cần đặc biệt lưu ý bao gồm:

•**Thép cán nóng và cán nguội (CRC):** Đối tượng hàng đầu của các vụ điều tra do tính chất là nguyên liệu cơ bản cho nhiều ngành sản xuất khác.

•**Thép mạ (Corrosion Resistant Steel):** Sản phẩm thường xuyên bị các hiệp hội thép tại các nước thành viên CPTPP nộp đơn kiện do sự tăng trưởng xuất khẩu đột biến.

•**Ống thép (Steel Pipes):** Mặt hàng này dễ bị cáo buộc gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.

Các sản phẩm nhôm: Bao gồm nhôm thỏi và nhôm định hình dùng trong xây dựng và công nghiệp.

c. Phân tích đặc điểm nguy cơ

Nguy cơ bị điều tra tự vệ đối với nhóm mặt hàng này xuất phát từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị phức tạp:

•**Tình trạng dư thừa công suất toàn cầu:** Ngành thép thế giới đang đối mặt với sự dư thừa công suất lớn, đặc biệt là tại các cường quốc sản xuất như Trung Quốc và Ấn Độ. Khi công suất này không được hấp thụ bởi thị trường nội địa, nó sẽ tràn sang các thị trường mở như các nước CPTPP.

•**Hiệu ứng chệch hướng thương mại (Trade Diversion):** Khi các thị trường lớn và khắt khe như Mỹ hay EU áp dụng các rào cản phòng vệ thương mại mạnh mẽ (như thuế Section 232 hoặc các biện pháp tự vệ thép của EU), dòng hàng thép có xu hướng dịch chuyển sang các thị trường thay thế trong khối CPTPP. Điều này gây ra sự

tăng trưởng đột biến về lượng nhập khẩu vào các nước thành viên CPTPP, kích hoạt cơ chế tự vệ khẩn cấp.

•**Áp lực rà soát lan tỏa (Spillover Effect):** Khi các đối thủ cạnh tranh lớn bị áp các loại thuế phòng vệ cao (như chống trợ cấp từ 20% đến 50%), các nước CPTPP có xu hướng rà soát các nguồn cung thay thế có sự tăng trưởng mạnh như Việt Nam để xem xét áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu nhằm bảo vệ toàn diện thị trường nội địa.

Rủi ro từ nguyên liệu đầu vào: Các quốc gia như Canada và Úc đặc biệt chú trọng đến nguồn gốc nguyên liệu đầu vào (như thép cán nóng HRC). Nếu doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu từ các quốc gia đang bị áp rào cản, sản phẩm cuối cùng sẽ dễ bị cuốn vào các cuộc điều tra tự vệ diện rộng

3.2. Nhóm I: Động vật sống và các sản phẩm từ động vật

Trong danh mục các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra tự vệ tại khối CPTPP, Nhóm I đứng thứ hai về tần suất bị khởi xướng điều tra với tổng cộng **07 vụ việc**. Đây là nhóm hàng nông sản cốt lõi, thường xuyên đối mặt với các rào cản mang tính bảo hộ cao nhằm duy trì an ninh lương thực và ổn định xã hội tại các nước nhập khẩu.

a. Các quốc gia tiêu điểm trong điều tra tự vệ

Dựa trên dữ liệu thống kê, thực tiễn điều tra nhóm hàng này tập trung chủ yếu vào hai quốc gia có truyền thống bảo hộ nông

nghiệp mạnh mẽ:

•**Chile (05 vụ):** Là quốc gia tích cực nhất trong việc áp dụng công cụ tự vệ đối với sản phẩm động vật. Chile thường sử dụng biện pháp này để kiểm soát tốc độ thâm nhập của thực phẩm ngoại nhập, bảo vệ biên lợi nhuận cho nông dân nội địa.

•**Úc (02 vụ):** Mặc dù luôn khẳng định tuân thủ quy định WTO, Úc vẫn duy trì cơ chế điều tra tự vệ như một "van an toàn" để ngăn chặn các cú sốc thị trường từ hàng nhập khẩu giá rẻ.

b. Các mặt hàng tiêu biểu và rủi ro đối với Việt Nam

Các mặt hàng thuộc Nhóm I thường xuyên bị đưa vào tầm ngắm bao gồm:

•**Thịt gia súc và gia cầm:** Thịt bò, thịt lợn và đặc biệt là các bộ phận gia cầm đông lạnh (như đùi gà). Đây là những mặt hàng dễ bị tăng trưởng đột biến về lượng khi có sự thay đổi trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

•**Sản phẩm thủy sản chế biến:** Bao gồm các loại cá phi lê, tôm và động vật giáp xác. Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu thủy sản hàng đầu vào khối CPTPP, do đó bất kỳ dấu hiệu tăng trưởng kim ngạch nhanh chóng nào (trên 15% trong 6 tháng liên tục) cũng có thể kích hoạt đơn kiện tự vệ từ các hiệp hội sản xuất nước bạn.

c. Lý do nhạy cảm và tính đặc thù trong thực thi

Sở dĩ Nhóm I luôn duy trì mức độ rủi ro cao là do các yếu tố sau:

•**Tính chất thâm dụng lao động:** Nông nghiệp và chăn nuôi là những ngành giải

quyết việc làm cho một bộ phận lớn dân cư nông thôn tại các nước như Mexico, Chile hay Úc. Do đó, sự sụt giảm trong ngành này luôn mang tính chính trị cao, buộc Chính phủ phải can thiệp nhanh chóng để tránh bất ổn xã hội.

•**Áp lực từ các hiệp hội sản xuất:** Sự gia tăng nhập khẩu dẫn đến giảm giá bán nội địa thường kích hoạt phản ứng tức thì từ các hiệp hội chăn nuôi nội địa. Các tổ chức này có năng lực vận động chính sách mạnh mẽ, thúc đẩy cơ quan quản lý áp dụng thuế tự vệ hoặc hạn ngạch để cắt đứt dòng hàng nhập khẩu tăng đột biến.

•**Cơ chế Tự vệ Nông nghiệp Đặc biệt (SSG):** Một số quốc gia trong CPTPP áp dụng cơ chế tự vệ đặc biệt dựa trên ngưỡng lượng hoặc ngưỡng giá. Điều này cho phép họ áp thuế bổ sung ngay lập tức mà không cần quy trình điều tra thiệt hại phức tạp như tự vệ toàn cầu, gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam trong việc dự báo rủi ro pháp lý.

3.3. Nhóm II (Sản phẩm thực vật) và Nhóm XI (Dệt may)

Dựa trên dữ liệu thông kê từ bảng báo cáo, cả hai nhóm ngành này đều ghi nhận 05 vụ việc điều tra tự vệ từ các thành viên trong khối CPTPP. Đây là những ngành hàng có độ nhạy cảm cao về mặt kinh tế - xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến sinh kế của người nông dân và công nhân may mặc tại các nước nhập khẩu.

a. Nhóm II (Sản phẩm thực vật/Nông sản)

Nhóm này đóng vai trò then chốt trong an ninh lương thực của mỗi quốc gia, với 05 vụ việc khởi xướng tập trung tại các thị trường sau:

- Các quốc gia tiêu điểm:** Phần lớn các vụ việc được thực hiện bởi Chile (04 vụ) và Nhật Bản (01 vụ).

- Mặt hàng tiêu biểu:** Tập trung vào các mặt hàng nông sản thiết yếu và có khối lượng giao dịch lớn như gạo, ngũ cốc, rau quả tươi và các loại hạt.

Đặc điểm nguy cơ: Nông sản thường đối mặt với các đợt “Tự vệ nông nghiệp đặc biệt” (SSG). Khi sản lượng nội địa vào mùa vụ mà hàng nhập khẩu lại tăng đột biến về lượng hoặc giảm sâu về giá, các cơ quan chức năng sẽ kích hoạt điều tra để ngăn chặn thiệt hại cho ngành trồng trọt trong nước.

b. Nhóm XI (Dệt may)

Với **05 vụ việc** được ghi nhận, nhóm dệt may là đối tượng thường xuyên bị các nước có ngành công nghiệp may mặc truyền thống tại Mỹ Latinh chú ý.

- Các quốc gia tiêu điểm:** Peru nổi lên như một “điểm nóng” với 04 vụ việc khởi xướng, cùng với Chile (01 vụ).

- Mặt hàng tiêu biểu:** Các mặt hàng quần áo may sẵn, sợi vải và nguyên liệu dệt từ các nước có chi phí nhân công thấp.

Rủi ro cho Việt Nam: Khi kim ngạch xuất khẩu dệt may từ Việt Nam vào khu vực Nam Mỹ (như Peru) tăng trưởng “nóng”, đe dọa trực tiếp đến chuỗi cung ứng dệt may nội địa của họ, các hiệp hội sản xuất tại đây thường vận động Chính phủ áp dụng các biện pháp tự vệ khẩn cấp nhằm tái thiết lập trật tự thị trường.

3.4. Nhóm IV: Thực phẩm chế biến, đồ uống, rượu và thuốc lá

Nhóm ngành này ghi nhận **04 vụ việc** điều tra tự vệ trong khối CPTPP, cho thấy một xu hướng bảo hộ mới đối với các sản phẩm giá trị gia tăng trong ngành thực phẩm.

- Các quốc gia tiêu điểm:** Bao gồm Úc (02 vụ), Canada (01 vụ) và Chile (01 vụ).

- Mặt hàng tiêu biểu:** Các loại thực phẩm đóng hộp, chế phẩm từ ngũ cốc, bánh kẹo, đồ uống công nghiệp và các sản phẩm chế biến sâu từ nông nghiệp.

•**Nguy cơ đặc thù từ FTA:**

oVới sự phổ biến của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như CPTPP, việc xóa bỏ dần các hàng rào thuế quan đã thúc đẩy hàng thực phẩm chế biến lưu thông mạnh mẽ và dễ dàng hơn giữa các nước thành viên.

oSự thuận lợi này vô tình tạo ra hiện tượng “nhập khẩu tăng đột biến” một cách tương đối so với năng lực sản xuất trong nước của các quốc gia nhập khẩu.

Khi thị phần nội địa của các doanh nghiệp thực phẩm tại Úc hay Canada bị sụt giảm

đáng kể, các cơ quan điều tra sẽ sử dụng công cụ tự vệ để tạm thời hạn chế dòng hàng nhập khẩu, giúp ngành sản xuất nội địa có thời gian điều chỉnh và thích nghi.

Phân tích một số vụ việc điều tra tự vệ điển hình của các nước thành viên CPTPP

1. Vụ việc Canada điều tra tự vệ với một số sản phẩm thép (2018)

a. Bối cảnh và Diễn biến (Initiation)

Ngày khởi xướng: 11 tháng 10 năm 2018.

Sản phẩm bị điều tra: Ban đầu, Canada khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu đối với 07 nhóm sản phẩm thép, bao gồm: thép tấm (heavy plate), thép thanh (concrete reinforcing bar), ống thép dùng trong năng lượng (energy tubular products), thép tấm cán nóng (hot-rolled sheet), thép tiền chế (pre-painted steel), thép dây (stainless steel wire) và dây thép (wire rod).

Nguyên nhân kích hoạt: Chính phủ Canada lo ngại về hiện tượng “chệch hướng thương mại” (trade diversion). Sau khi Hoa Kỳ áp thuế 25% đối với thép nhập khẩu theo Mục 232, các dòng hàng thép từ các nước khác có xu hướng đổ dồn sang thị trường Canada để tìm lối thoát, dẫn đến nguy cơ dư thừa và gây thiệt hại cho các nhà sản xuất nội địa.

b. Quá trình Điều tra và Quyết định (Investigation & Decision)

Cơ quan điều tra: Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) phối hợp với Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA).

Biện pháp tạm thời: Ngay sau khi khởi xướng, Canada đã áp dụng thuế tự vệ tạm thời ở mức 25% đối với lượng hàng nhập khẩu vượt quá hạn ngạch cho phép để ngăn chặn làn sóng hàng nhập khẩu ngay lập tức.

Quyết định cuối cùng (Áp thuế): Sau quá trình thẩm tra kỹ lưỡng, Canada quyết định áp dụng biện pháp tự vệ cuối cùng dưới hình thức Hạn ngạch thuế quan (TRQ) đối với 02 nhóm sản phẩm:

Thép tấm (Heavy Plate).

Thép dây (Stainless Steel Wire).

Thời hạn áp dụng: Biện pháp cuối cùng bắt đầu có hiệu lực từ tháng 5 năm 2019 và kéo dài trong vòng 03 năm với mức thuế ngoài hạn ngạch giảm dần theo từng năm.

c. Lý do áp thuế và Kết luận của cơ quan chức năng

Sự gia tăng nhập khẩu đột biến: CITT kết luận rằng đối với Thép tấm và Thép dây, lượng nhập khẩu đã tăng đáng kể cả về giá trị tuyệt đối lẫn tương đối so với sản xuất trong nước.

Thiệt hại nghiêm trọng (Serious Injury): Ngành sản xuất thép nội địa của Canada đã phải đối mặt với tình trạng sụt giảm thị phần, giảm công suất sử dụng và lợi nhuận bị ảnh hưởng nặng nề do phải cạnh tranh với hàng giá rẻ.

Mối quan hệ nhân quả: Cơ quan điều tra xác định việc gia tăng nhập khẩu là nguyên nhân chính gây ra thiệt hại, không phải do các yếu tố quản lý hay nhu cầu thị trường nội địa sụt giảm.

d. Bài học kinh nghiệm

Loại trừ đối tác FTA: Theo các quy định trong CPTPP và NAFTA (nay là USMCA), hàng hóa từ các quốc gia này có thể được loại trừ khỏi biện pháp tự vệ nếu chứng minh được lượng xuất khẩu từ các nước này không chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng nhập khẩu gây thiệt hại.

Tính linh hoạt của cơ quan điều tra: Vụ việc cho thấy Canada sẵn sàng khởi xướng diện rộng (7 nhóm) nhưng chỉ áp dụng thực tế trên những nhóm có bằng chứng thiệt hại

rõ ràng (2 nhóm), cho thấy cơ hội kháng kiện thành công đối với các nhóm hàng còn lại là rất cao nếu doanh nghiệp cung cấp đầy đủ dữ liệu.

2. Vụ việc Malaysia điều tra 02 vụ việc tự vệ với thép (2016)

Vào tháng 5 năm 2016, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) đã thực hiện một chiến lược phòng vệ diện rộng khi khởi xướng cùng lúc hai vụ việc điều tra tự vệ toàn cầu nhắm vào xương sống của ngành công nghiệp thép nội địa.

2.1. Đối tượng điều tra

Cuộc điều tra nhắm vào hai nhóm sản phẩm chiến lược trong ngành xây dựng và gia công cơ khí:

Vụ việc 1 - Thép thanh cốt bê tông (Steel Concrete Rebar): Bao gồm các loại thép thanh cán nóng có vân hoặc gờ (Mã HS: 7214.20, 7228.30).

Vụ việc 2 - Thép cuộn và Thép thanh cuộn (Wire Rods & DBIC): Bao gồm thép dây cuộn và thép thanh có vân dạng cuộn (Mã HS: 7213.10, 7213.91, 7227.90).

Chiến lược “khóa chặt”: Việc điều tra song hành hai nhóm này nhằm ngăn chặn các nhà xuất khẩu lách thuế bằng cách chuyển đổi hình thức sản phẩm giữa dạng thẳng và dạng cuộn để hưởng mức thuế thấp hơn.

2.2. Diễn biến điều tra

a. Giai đoạn Khởi xướng và Điều tra Sơ bộ (Tháng 5/2016 - Tháng 9/2016)

Ngày 27/05/2016: Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) chính thức ban hành thông báo khởi xướng hai cuộc điều tra tự vệ toàn cầu sau khi xem xét đơn kiện từ Hiệp hội Sắt thép Malaysia (MSA).

Tháng 6 - Tháng 8/2016: MITI gửi bản câu hỏi điều tra cho các nhà sản xuất, nhà nhập

khẩu và Chính phủ các nước xuất khẩu liên quan. Trong giai đoạn này, cơ quan điều tra đã ghi nhận sự phản đối mạnh mẽ từ các hiệp hội xây dựng hạ nguồn tại Malaysia.

Tháng 9/2016: MITI đưa ra kết luận sơ bộ khẳng định có bằng chứng về việc hàng nhập khẩu tăng đột biến gây thiệt hại cho ngành nội địa.

2. Giai đoạn Áp thuế Tạm thời (Tháng 9/2016 - Tháng 4/2017)

Ngày 26/09/2016: Để ngăn chặn thiệt hại tiếp diễn trong quá trình điều tra, Malaysia đã áp dụng thuế tự vệ tạm thời dưới hình thức ký quỹ tiền mặt.

Mức thuế tạm thời: Được ấn định ở mức 13,9% đối với thép cuộn và 13,42% đối với thép thanh. Biện pháp này có hiệu lực tối đa 200 ngày.

3. Giai đoạn Thẩm tra và Kết luận Cuối cùng (Tháng 4/2017)

Đầu năm 2017: MITI thực hiện thẩm tra tại chỗ đối với các nhà sản xuất nội địa để xác minh các chỉ số về tài chính, lao động và năng suất.

Tháng 4/2017: Chính phủ Malaysia chính thức ban hành quyết định áp dụng biện pháp tự vệ cuối cùng sau khi xác lập được mối quan hệ nhân quả không thể chối cãi giữa hàng nhập khẩu và sự suy yếu của ngành thép trong nước.

Ngày có hiệu lực: Thuế tự vệ cuối cùng bắt đầu áp dụng từ ngày 14/04/2017 và kéo dài trong 3 năm theo lộ trình cắt giảm dần để thúc đẩy doanh nghiệp nội địa tự cải thiện năng lực cạnh tranh.

2.3. Kết luận điều tra và Các lập luận then chốt

Trong bản kết luận cuối cùng, MITI đã đưa ra những bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quyết định áp thuế của mình:

Sự gia tăng nhập khẩu đột biến: Lượng nhập khẩu cả hai nhóm mặt hàng không tăng dần đều mà nhảy vọt trong giai đoạn 2012-2015, vượt xa tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ nội địa, đẩy thị phần của các doanh nghiệp Malaysia vào thế bị cô lập.

Thiệt hại nghiêm trọng cho ngành nội địa: Các chỉ số tài chính của các nhà máy thép Malaysia báo động đỏ với lợi nhuận âm liên tục. Tỷ lệ sử dụng công suất tại các nhà máy chỉ đạt mức 40-50%, dẫn đến chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng cao, đe dọa sự tồn tại của chuỗi cung ứng thép quốc gia.

Mối quan hệ nhân quả (Causality): MITI bác bỏ lập luận cho rằng thiệt hại do chi phí điện hay quản lý yếu kém. Cơ quan điều tra khẳng định có sự trùng khớp hoàn hảo giữa thời điểm hàng nhập khẩu tràn vào và thời điểm các chỉ số kinh tế nội địa sụt giảm đột ngột.

Lợi ích công cộng: Dù các đơn vị hạ nguồn (ngành xây dựng) phản đối do lo ngại tăng chi phí, Chính phủ Malaysia kết luận rằng việc bảo vệ ngành luyện kim thương mại là cần thiết để đảm bảo an ninh vật liệu và tránh lệ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung bên ngoài.

2.4. Bài học rút ra

Khi một thành viên CPTPP như Malaysia khởi xướng điều tra “cụm ngành”, doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị sẵn các lập luận về tính chuyên biệt của sản phẩm (ví dụ: thép dùng trong chế tạo máy mà nội địa Malaysia chưa sản xuất được) để xin miễn trừ ngay từ giai đoạn điều tra sơ bộ.

3. Vụ việc Chile điều tra tự vệ với thép cán thành dùng trong khai khoáng (2016)

3.1. Diễn biến vụ việc

Vụ việc này được triển khai theo một quy trình điều tra chặt chẽ của Ủy ban Quốc gia

về Điều tra Biến động Giá Hàng nhập khẩu của Chile (CDP):

Giai đoạn Khởi xướng (Tháng 5/2016): Dựa trên đơn kiện của Công ty Thép CAP Acero (Malleco), Chile chính thức khởi xướng điều tra tự vệ toàn cầu đối với sản phẩm thép cán thành dùng để sản xuất bi nghiền quặng khoáng sản (mã HS 7228.30.00).

Giai đoạn Điều tra sơ bộ (Tháng 5 - Tháng 10/2016): Ủy ban CDP đã tiến hành phân tích dữ liệu nhập khẩu từ năm 2012 đến 2015. Kết quả sơ bộ cho thấy lượng nhập khẩu mặt hàng này đã tăng đột biến hơn 30%, làm suy giảm đáng kể thị phần của sản xuất nội địa.

Áp dụng Thuế tạm thời (Tháng 10/2016): Ngay sau khi có kết luận sơ bộ về thiệt hại, Chile đã áp dụng mức thuế tự vệ tạm thời khoảng 11% để bảo vệ khẩn cấp doanh nghiệp nội địa khỏi nguy cơ đóng cửa dây chuyền sản xuất.

Kết luận cuối cùng và Áp thuế (Tháng 1/2017): Sau khi xem xét các ý kiến tham vấn từ phía các tập đoàn khai khoáng và các nhà nhập khẩu, Ủy ban CDP kết luận rằng hàng nhập khẩu chính là nguyên nhân gây ra thiệt hại nghiêm trọng. Tổng thống Chile sau đó đã ký nghị quyết áp thuế tự vệ cuối cùng.

3.2. Kết luận điều tra và Các lập luận then chốt

Các chuyên gia Chile đã tập trung vào các điểm sau để bảo vệ quyết định áp thuế:

Sự lệ thuộc của ngành Khai khoáng: Ngành đồng của Chile phụ thuộc lớn vào bi nghiền thép. Việc để mất nhà cung ứng nội địa duy nhất (CAP Acero) sẽ làm tăng rủi ro cho chuỗi giá trị xuất khẩu đồng trong trường hợp thị trường quốc tế có biến động về cung hoặc giá.

Thiệt hại không thể chối cãi: Dữ liệu tài chính cho thấy CAP Acero đã rơi vào tình trạng thua lỗ ròng liên tục trong giai đoạn hàng nhập khẩu tràn vào. Tỷ lệ sử dụng công suất giảm mạnh và hàng tồn kho tăng cao đến mức báo động.

Mối quan hệ nhân quả: Cơ quan điều tra bác bỏ lập luận rằng thiệt hại là do chi phí điện năng hay quy trình quản lý. Họ chứng minh rằng sự sụt giảm doanh thu của ngành nội địa tỷ lệ thuận với sự gia tăng kim ngạch hàng nhập khẩu giá rẻ.

3.3. Quyết định áp thuế cuối cùng

Chile đã chính thức áp dụng biện pháp tự vệ cuối cùng với các thông số sau:

Hình thức: Thuế nhập khẩu bổ sung (ad-valorem).

Mức thuế: Dao động từ 9,7% đến 11% trong suốt thời gian áp dụng.

Thời hạn: Biện pháp kéo dài trong vòng 1 năm và được xem xét gia hạn nhằm tạo điều kiện cho ngành thép nội địa thực hiện các thay đổi về công nghệ sản xuất.

4. Bài học kinh nghiệm

Để giảm thiểu rủi ro bị áp thuế hoặc giành lợi thế trong quá trình điều tra, doanh nghiệp cần lưu ý:

Tập trung vào tính chuyên biệt của sản phẩm: Các vụ việc không áp thuế (như một số loại thép tại Canada năm 2018) cho thấy nếu doanh nghiệp chứng minh được hàng hóa của mình có đặc tính kỹ thuật cao, chuyên dụng mà sản xuất nội địa nước nhập khẩu không thể đáp ứng, khả năng được miễn trừ hoặc thắng kiện là rất lớn.

Đấu tranh về “Mối quan hệ nhân quả”: Đây là điểm yếu thường thấy trong các đơn kiện. Doanh nghiệp cần phối hợp với luật sư để chỉ ra các nguyên nhân khác gây thiệt hại cho ngành sản xuất nước bạn như: quản lý

kém, chi phí lao động/điện năng tăng, hoặc biến động nhu cầu thị trường nội địa, thay vì chỉ do hàng nhập khẩu.

Tận dụng lợi thế “Lợi ích công cộng”: Vận động các nhà nhập khẩu và hiệp hội hạ nguồn tại nước sở tại lên tiếng. Tiếng nói từ chính những doanh nghiệp cần nguyên liệu giá rẻ để duy trì sản xuất tại Canada hay Malaysia là vũ khí quan trọng để thuyết phục Chính phủ các nước này không áp thuế hoặc giảm mức thuế.

Hệ thống kế toán minh bạch: Việc thắng kiện hay thua kiện phụ thuộc rất lớn vào khả năng cung cấp dữ liệu sạch cho cơ quan điều tra trong thời gian ngắn (thường dưới 40 ngày).

Cảnh báo sớm: Doanh nghiệp không nên đợi đến khi có thông báo khởi xướng mới hành động. Việc theo dõi sát sao kim ngạch hàng tháng giúp doanh nghiệp có thời gian điều chỉnh lượng hàng hoặc chuẩn bị hồ sơ pháp lý ngay từ khi thị trường có dấu hiệu “nóng”.

HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ỨNG PHÓ VỚI ĐIỀU TRA TỰ VỆ TẠI CPTPP

I. GIAI ĐOẠN 1: CẢNH BÁO SỚM VÀ CHUẨN BỊ (TRƯỚC KHI KHỞI XƯƠNG)

Để không bị rơi vào thế bị động khi một lệnh khởi xương điều tra bất ngờ được ban hành, doanh nghiệp cần thiết lập một hệ thống “radar” cảnh báo và một nền tảng dữ liệu vững chắc.

1. Theo dõi các chỉ dấu nguy cơ (Monitoring Risk Indicators)

Việc nhận diện sớm các dấu hiệu bất thường trên thị trường là chìa khóa để doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược xuất khẩu kịp thời.

Giám sát kim ngạch xuất khẩu hàng tháng vào các thị trường điểm nóng:

Doanh nghiệp cần đặc biệt chú ý đến Canada và Úc, hai quốc gia có hệ thống pháp lý phòng vệ thương mại phức tạp và tần suất điều tra hàng hóa Việt Nam ngày càng gia tăng.

Theo dõi sát sao các thị trường như Mexico và Chile, nơi thường xuyên khởi xương điều tra tự vệ đối với nhóm mặt hàng Sắt thép (Nhóm XV) và Dệt may (Nhóm XI).

Cảnh giác khi kim ngạch tăng trưởng đột biến:

Ngưỡng cảnh báo đỏ cần được thiết lập khi kim ngạch xuất khẩu vào một thị trường CPTPP tăng trưởng trên 15% trong vòng 6 tháng liên tục.

Bất kỳ sự gia tăng đột biến nào cũng có thể được cơ quan điều tra nước bạn coi là bằng chứng sơ bộ về việc hàng nhập khẩu gây áp lực quá lớn lên ngành sản xuất nội địa.

Theo dõi thông tin từ các hiệp hội ngành hàng nội địa nước nhập khẩu:

Các đơn kiện tự vệ thường bắt nguồn từ

kiến nghị của các hiệp hội sản xuất trong nước (ví dụ: Hiệp hội thép Canada hay Ủy ban Chống bán phá giá Úc) khi họ bị suy giảm thị phần.

Doanh nghiệp cần cập nhật các báo cáo tài chính ngành và các phát ngôn của đại diện hiệp hội tại nước nhập khẩu để dự báo khả năng họ sẽ nộp đơn kiện lên Chính phủ.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ (Internal Database Building)

Năng lực thẳng kiện phụ thuộc rất lớn vào việc doanh nghiệp có thể cung cấp được dữ liệu sạch và minh bạch hay không.

Lưu trữ chứng từ kế toán theo tiêu chuẩn quốc tế:

Việc lưu trữ hệ thống hóa đơn, chứng từ kế toán là cực kỳ quan trọng khi đối mặt với các thị trường khắt khe như Úc và Canada, nơi cơ quan điều tra thường truy soát rất kỹ cấu trúc chi phí.

Hệ thống kế toán cần được chuẩn hóa để sẵn sàng cho các đợt thẩm tra tại chỗ (verification visits), đảm bảo mọi số liệu kê khai đều có bằng chứng gốc đối chiếu.

Tách bạch các khoản chi phí sản xuất:

Doanh nghiệp cần bóc tách rõ ràng các yếu tố chi phí (nguyên liệu, nhân công, năng lượng) để chứng minh rằng giá bán của mình phản ánh đúng thị trường.

Điều này giúp doanh nghiệp lập luận rằng sự gia tăng nhập khẩu là do nhu cầu thị trường tự nhiên hoặc do lợi thế cạnh tranh về hiệu quả sản xuất, chứ không phải do các hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay nhận hỗ trợ bất thường từ các chính sách quy hoạch của Chính phủ.

Kiểm soát nguồn gốc nguyên liệu đầu vào:

Đặc biệt đối với ngành thép và máy móc, doanh nghiệp cần lưu trữ hồ sơ nguồn gốc nguyên liệu (như thép cán nóng HRC) để tránh rủi ro bị cáo buộc hưởng lợi từ “trợ cấp thương mại” hoặc “tình hình thị trường đặc biệt” (PMS) từ các quốc gia thứ ba

II. GIAI ĐOẠN II: PHẢN ỨNG KHI VỤ VIỆC CHÍNH THỨC KHỞI XƯƠNG

Khác với chống trợ cấp, tự vệ là biện pháp toàn cầu nhắm vào hàng hóa từ tất cả các nguồn. Do đó, chiến lược cần tập trung vào việc chứng minh sự tăng trưởng nhập khẩu là hợp lý và ngành sản xuất của nước nhập khẩu gặp khó khăn do các yếu tố khác.

1. Xác lập tư cách pháp lý và kiểm soát phạm vi sản phẩm

Rà soát danh mục hàng hóa (Product Exclusion): Ngay lập tức kiểm tra xem sản phẩm của mình có đặc tính kỹ thuật cao hoặc chuyên biệt mà ngành sản xuất nội địa nước bạn (như Canada, Úc) không thể sản xuất được hay không. Đây là cơ sở để xin loại trừ khỏi biện pháp tự vệ.

Đăng ký tư cách bên liên quan: Đăng ký ngay với cơ quan điều tra để có quyền tham gia các phiên điều trần và tiếp cận hồ sơ vụ việc nhằm theo dõi các lập luận từ phía hiệp hội sản xuất nước nhập khẩu.

Quản lý lịch trình: Biện pháp tự vệ thường có quy trình rất nhanh, đặc biệt là các vụ việc áp dụng thuế tạm thời trong tình huống khẩn cấp.

2. Phối hợp nguồn lực và Liên minh chiến lược

Báo cáo cơ quan Chính phủ: Liên hệ Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) để phối hợp trong các phiên tham vấn quốc tế theo quy định của WTO và CPTPP. Chính

phủ sẽ đưa ra các lập luận về mặt vĩ mô để bảo vệ dòng chảy thương mại của quốc gia.

Liên minh với các quốc gia xuất khẩu khác: Vì tự vệ áp dụng cho hàng hóa từ tất cả các nước, doanh nghiệp Việt Nam có thể phối hợp với các hiệp hội xuất khẩu từ các nước khác (ví dụ: các nước ASEAN cùng xuất khẩu thép vào Mexico) để tạo ra sức mạnh tập thể trong việc bác bỏ các cáo buộc của nước nhập khẩu.

Thuê tư vấn chuyên môn sở tại: Ưu tiên luật sư tại nước nhập khẩu để phân tích các chỉ số thiệt hại của ngành sản xuất nội địa nước bạn, tìm ra các điểm yếu trong báo cáo thiệt hại của họ.

3. Xây dựng chiến lược lập luận sơ bộ

Bác bỏ “Sự gia tăng đột biến”: Chứng minh rằng lượng hàng nhập khẩu chỉ tăng theo xu hướng nhu cầu tự nhiên của thị trường nội địa nước bạn hoặc tăng do sự phục hồi sau đại dịch, không phải tăng đột biến theo nghĩa của Hiệp định Tự vệ.

Phân tích mối quan hệ nhân quả (Causation): Lập luận rằng khó khăn của ngành sản xuất nước nhập khẩu là do quản lý yếu kém, chi phí lao động cao, hoặc sự sụt giảm nhu cầu tiêu dùng nội địa, chứ không phải do hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam gây ra.

Sử dụng “Lợi ích công cộng”: Vận động các hiệp hội người tiêu dùng và các doanh nghiệp hạ nguồn (ví dụ: các công ty xây dựng cần thép Việt Nam) tại nước nhập khẩu lên tiếng. Lập luận rằng việc áp thuế tự vệ sẽ làm tăng chi phí xây dựng/sản xuất và gây thiệt hại cho chính nền kinh tế của nước họ.

III. GIAI ĐOẠN 3: TRẢ LỜI BẢN CÂU HỎI VÀ THĂM TRA

Giai đoạn này tập trung chứng minh tính cạnh tranh lành mạnh và sự cần thiết của

sản phẩm đối với thị trường nước nhập khẩu.

Hoàn thiện Bản câu hỏi (Questionnaire):

Tập trung cung cấp số liệu về sản lượng, công suất sản xuất và lượng xuất khẩu ổn định qua các năm để bác bỏ yếu tố “đột biến”.

Chứng minh giá bán của doanh nghiệp là giá thị trường, được hình thành từ hiệu quả sản xuất và lợi thế quy mô, không phải do phá giá hay được bao cấp.

Chuẩn bị Thăm tra tại chỗ:

Hệ thống hóa hồ sơ xuất khẩu, lịch trình giao hàng để đối chiếu với dữ liệu đã khai báo.

Chuẩn bị bằng chứng về các hợp đồng dài hạn với khách hàng tại nước nhập khẩu để chứng minh đây là mối quan hệ thương mại ổn định, lâu dài.

IV. GIAI ĐOẠN 4: ĐẤU TRANH PHÁP LÝ TẠI PHIÊN ĐIỀU TRẦN CÔNG KHAI (PUBLIC HEARINGS)

Đây là thời điểm then chốt để doanh nghiệp trực tiếp đối diện với cơ quan điều tra và các bên khiếu kiện (thường là hiệp hội sản xuất của nước nhập khẩu như Canada hay Úc) để đưa ra các lập luận bác bỏ.

Chuẩn bị bài tham luận (Oral Statement):

Doanh nghiệp cần phối hợp với luật sư để soạn thảo bản tham luận tập trung vào việc bác bỏ “mối quan hệ nhân quả”.

Phải chỉ ra rằng thiệt hại của ngành sản xuất nội địa nước bạn bắt nguồn từ các yếu tố khách quan (sụt giảm nhu cầu tiêu dùng, biến động tỷ giá, hoặc quản trị yếu kém) chứ không phải do hàng nhập khẩu từ Việt Nam.

Vận động sự ủng hộ của người tiêu dùng và các ngành hạ nguồn:

Trong các vụ tự vệ, tiếng nói của các doanh nghiệp nhập khẩu và sử dụng hàng hóa tại nước sở tại (như các công ty xây dựng cần thép, công ty đóng gói cần hóa chất) có trọng lượng rất lớn.

Cần huy động các đối tác này lên tiếng về việc áp thuế tự vệ sẽ làm tăng giá thành sản phẩm cuối cùng, gây lạm phát và ảnh hưởng tiêu cực đến chính lợi ích kinh tế của nước nhập khẩu.

Yêu cầu áp dụng hạn ngạch thay vì thuế tuyệt đối:

Nếu cơ quan điều tra có xu hướng áp dụng biện pháp tự vệ, doanh nghiệp nên đấu tranh để chuyển từ hình thức đánh thuế cao sang hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ).

Điều này giúp doanh nghiệp vẫn giữ được một phần thị phần xuất khẩu nhất định với mức thuế thấp hơn trong hạn ngạch.

V. GIAI ĐOẠN 5: ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC KINH DOANH SAU VỤ KIỆN

Dù kết quả vụ kiện là thắng hay thua, doanh nghiệp cần có chiến lược thích ứng để bảo vệ sự phát triển bền vững trong khuôn khổ hiệp định CPTPP.

Đa dạng hóa thị trường và danh mục sản phẩm:

Tránh tập trung quá lớn vào một thị trường duy nhất (như chỉ tập trung vào Canada hoặc Úc) để giảm thiểu tác động khi một thị trường khởi xướng điều tra.

Chuyển dịch sang các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao hoặc đặc tính kỹ thuật riêng biệt mà ngành sản xuất nội địa nước bạn chưa đáp ứng được để hưởng các quyết định miễn trừ.

Rà soát và chuẩn hóa chuỗi cung ứng:

Sau vụ kiện, doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc nguyên liệu đầu vào để tránh các rủi ro từ “quy tắc xuất xứ” hoặc

các cáo buộc liên đới từ các quốc gia đang bị áp thuế (như Trung Quốc hay Ấn Độ).

Duy trì hệ thống hồ sơ kế toán minh bạch theo tiêu chuẩn quốc tế để sẵn sàng cho các đợt rà soát định kỳ (Administrative Reviews) của cơ quan điều tra nước bạn.

Xây dựng “kịch bản ứng phó” dài hạn:

Phòng vệ thương mại là một phần của cuộc chơi toàn cầu. Doanh nghiệp cần thành lập bộ phận chuyên trách hoặc thuê tư vấn thường xuyên để theo dõi các chỉ dấu cảnh báo sớm về kim ngạch và chính sách tại các thị trường trọng điểm.

Chủ động tham gia vào các hiệp hội ngành hàng trong và ngoài nước để cập nhật thông tin và tạo mạng lưới liên minh bảo vệ quyền lợi chung.

Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan Nhà nước

1. Đối với cơ quan Nhà nước (Trọng tâm là Bộ Công Thương và các cơ quan đại diện tại nước ngoài)

Cơ quan Nhà nước đóng vai trò là “người dẫn đường” pháp lý và là đại diện bảo vệ quyền lợi quốc gia trên đấu trường đa phương. Sự can thiệp kịp thời từ phía Chính phủ là điều kiện cần thiết để bảo vệ các chính sách phát triển chung trước các cáo buộc từ nước ngoài.

a. Hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System)

Nâng cấp cơ sở dữ liệu giám sát: Tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thông tin để theo dõi biến động kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP theo từng mã HS cụ thể. Việc này giúp nhận diện sớm các dòng hàng có nguy cơ bị "soi xét" kỹ như sắt thép, hóa chất hay dệt may.

Phát hành bản tin cảnh báo định kỳ: Kịp thời đưa ra các văn bản thông báo hoặc bản tin cảnh báo cho các Hiệp hội và doanh nghiệp khi xuất hiện dấu hiệu “tăng trưởng nóng” (thường trên 15% trong thời gian ngắn) tại các thị trường “điểm nóng” như Canada, Úc hay Mexico.

Phân tích chỉ dấu từ các nước lân cận: Theo dõi các vụ việc điều tra đối với các nước có cơ cấu hàng hóa tương đồng với Việt Nam (như Malaysia, Thái Lan) tại thị trường CPTPP để chủ động dự báo các đơn kiện mang tính “lây lan”.

b. Tăng cường vai trò trong tham vấn và tranh tụng quốc tế

Thực hiện quyền tham vấn Chính phủ: Sử dụng triệt để các quy định của WTO và cơ

chế riêng của CPTPP để yêu cầu Chính phủ nước nhập khẩu tham vấn chính thức ngay từ khi có ý định khởi xướng điều tra. Điều này tạo áp lực buộc nước bạn phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn pháp lý cao nhất về điều tra tự vệ.

Đấu tranh bác bỏ các lập luận chủ quan: Phối hợp cùng doanh nghiệp để xây dựng các luận điểm phản bác về “thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “mối quan hệ nhân quả” thiếu căn cứ từ phía hiệp hội sản xuất nước bạn. Đặc biệt, cần bảo vệ các chính sách hỗ trợ phát triển bền vững, khẳng định chúng mang tính “phổ quát” theo tiêu chuẩn môi trường và công nghệ, không phải là trợ cấp riêng biệt gây biến động thị trường.

c. Hỗ trợ pháp lý và kỹ thuật cho doanh nghiệp

Tổ chức đào tạo chuyên sâu theo ngành hàng: Xây dựng các chương trình đào tạo thực chiến về kỹ năng trả lời bản câu hỏi điều tra và quy trình thẩm tra tại chỗ cho từng nhóm ngành trọng điểm như Sắt thép (Nhóm XV), Hóa chất (Nhóm VI) hay Thiết bị điện (Nhóm XVI).

Xây dựng mạng lưới tư vấn uy tín: Thiết lập danh mục các chuyên gia, luật sư và tổ chức tư vấn phòng vệ thương mại có kinh nghiệm thực tế tại các địa bàn trọng điểm như Canada, Úc và Mexico để kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp khi vụ việc phát sinh.

Kết nối thông tin qua hệ thống Thương vụ: Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện thương mại tại nước ngoài trong việc thu thập thông tin về tình hình sản xuất nội địa và các phản ứng chính sách của nước nhập khẩu để doanh nghiệp có phương án thích

ứng sớm.

2. Đối với các Hiệp hội ngành hàng (Cầu nối và trung tâm điều phối)

Hiệp hội đóng vai trò là “bộ não” điều phối sức mạnh tập thể, giúp doanh nghiệp vượt qua các rào cản chi phí và kỹ thuật khi đối mặt với các vụ kiện tự vệ toàn cầu. Trong bối cảnh các thị trường như Canada và Úc có hệ thống pháp lý phức tạp, vai trò của Hiệp hội càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

a. Xây dựng và vận hành Quỹ dự phòng Phòng vệ Thương mại

Vận động đóng góp ngân sách: Hiệp hội cần chủ động vận động các doanh nghiệp hội viên, đặc biệt trong những ngành “nhạy cảm” thường xuyên bị điều tra như Thép (Nhóm XV), Dệt may (Nhóm XI), và Hóa chất (Nhóm VI) đóng góp xây dựng quỹ dự phòng chung.

Chia sẻ chi phí pháp lý: Nguồn quỹ này được sử dụng để thuê các văn phòng luật sư và tư vấn quốc tế uy tín tại các nước CPTPP nhằm ứng phó với các yêu cầu khẩn trương từ cơ quan điều tra, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho từng doanh nghiệp riêng lẻ.

Đầu tư vào tư vấn chiến lược: Sử dụng quỹ để thực hiện các nghiên cứu tiền khả thi về thị trường và luật pháp nước sở tại nhằm dự báo sớm các nguy cơ khởi kiện.

b. Điều phối chiến lược ứng phó thống nhất (Data Harmony)

Đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu: Hiệp hội đóng vai trò đầu mối kiểm soát, đảm bảo các báo cáo số liệu của toàn ngành (về công suất, sản lượng, giá bán) phải có sự thống nhất, tránh tình trạng mỗi doanh nghiệp cung cấp dữ liệu chông chéo hoặc mâu thuẫn làm suy giảm tính thuyết phục trước cơ quan điều tra.

Xây dựng lập luận chung của ngành: Tập hợp các chứng cứ để bác bỏ cáo buộc về “Tình hình thị trường đặc biệt” (PMS) hoặc “thiệt hại nghiêm trọng”, khẳng định sự phát triển của ngành hàng Việt Nam hoàn toàn dựa trên cơ chế thị trường và lợi thế cạnh tranh tự nhiên.

Tham gia phiên điều trần công khai (Public Hearings): Đại diện Hiệp hội tham gia trực tiếp vào các phiên điều trần để khẳng định uy tín sản phẩm Việt Nam, đồng thời đưa ra các bằng chứng chuyên môn nhằm bác bỏ các cáo buộc thiếu căn cứ gây thiệt hại cho ngành sản xuất của nước nhập khẩu.

c. Thúc đẩy chiến lược “Liên minh với nhà nhập khẩu”

Thiết lập quan hệ với đối tác hạ nguồn: Chủ động xây dựng mạng lưới kết nối với các hiệp hội người tiêu dùng, các nhà nhập khẩu và doanh nghiệp hạ nguồn (như các công ty xây dựng cần thép, nhà máy sản xuất linh kiện cần hóa chất) tại Canada, Úc hay Mexico.

Tạo sức ép từ nội địa nước sở tại: Vận động các đối tác này lên tiếng phản đối việc áp dụng biện pháp tự vệ bằng cách chỉ ra những tác động tiêu cực như: làm tăng chi phí sản xuất, đẩy giá tiêu dùng lên cao và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống dân sinh của chính quốc gia họ.

Sử dụng tiếng nói của nhà nhập khẩu làm lợi thế: Tận dụng các lập luận của nhà nhập khẩu tại phiên điều trần để chứng minh rằng sản phẩm Việt Nam là nguồn cung thiết yếu và không thể thay thế hoàn toàn bởi sản xuất nội địa của nước họ

3. Định hướng phối hợp liên ngành (Nhà nước - Hiệp hội - Doanh nghiệp)

Sự thành bại của các doanh nghiệp Việt Nam khi đối mặt với rào cản phòng vệ thương mại không còn là nỗ lực đơn lẻ, mà

phụ thuộc vào sự gắn kết chặt chẽ của mô hình "kiềng ba chân". Việc phối hợp nhịp nhàng giữa Nhà nước, Hiệp hội và Doanh nghiệp sẽ tạo ra một hệ thống phòng thủ chủ động và bền vững.

Cơ chế chia sẻ thông tin hai chiều và đa tầng:

Cơ quan Nhà nước đóng vai trò trung tâm cung cấp các dự báo chiến lược, hướng dẫn quy trình pháp lý và thực hiện tham vấn cấp Chính phủ.

Hiệp hội ngành hàng thực hiện vai trò điều phối nguồn lực tài chính, pháp lý và thống nhất tiếng nói chung của toàn ngành.

Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo kịp thời các biến động thực tế tại thị trường xuất khẩu và cung cấp dữ liệu sản xuất trung thực để cơ quan quản lý có căn cứ đấu tranh.

Ưu tiên và tối ưu hóa chuỗi cung ứng nội khối CPTPP:

Định hướng doanh nghiệp chuyển dịch cơ cấu nguyên liệu đầu vào, ưu tiên sử dụng nguồn hàng từ Việt Nam hoặc các nước thành viên CPTPP.

Việc sử dụng các nguyên liệu như thép cán nóng (HRC) từ các nguồn được công nhận trong khối giúp doanh nghiệp tránh được các cáo buộc về "trợ cấp thượng nguồn" (Upstream Subsidies) hoặc các cuộc điều tra về lẩn tránh thuế từ các quốc gia ngoài khối (như Trung Quốc hay Ấn Độ).

Chuẩn hóa dữ liệu và hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế:

Hiệp hội cần tích cực hướng dẫn các doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm nhỏ và vừa (SMEs), chuẩn hóa hệ thống kế toán, hóa đơn và báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế như IFRS.

Việc minh bạch hóa dữ liệu giúp doanh

nh nghiệp sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu khắt khe và các đợt thẩm tra tại chỗ từ những cơ quan điều tra chuyên nghiệp như CBSA của Canada hay ADC của Úc.

Thiết lập mạng lưới liên kết thông tin đa thị trường (Ý tưởng bổ sung):

Doanh nghiệp và Hiệp hội cần chủ động liên kết, tìm hiểu thông tin từ các thị trường thứ ba cùng bị điều tra để học hỏi kinh nghiệm kháng kiện và xây dựng lập luận chung.

Việc theo dõi các phán quyết của Mỹ (USMCA) đối với các mặt hàng tương đương là cực kỳ quan trọng, bởi Canada thường có xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn điều tra tương tự như Hoa Kỳ đối với hàng hóa Việt Nam.

Liên kết với các Hiệp hội ngành hàng tại nước nhập khẩu để nắm bắt tâm lý thị trường và phản ứng của các đối thủ cạnh tranh nội địa trước khi vụ việc chính thức được khởi xướng.